

CỔ VĂN VIỆT NAM

TRẦN TRIỀU XỬ-SĨ

HỒ HUYỀN QUI

TRUYỆN **TRÌNH THỦ'**

ƯU-THIÊN BÙI KỶ
HIỆU-ĐÌNH

IN LẦN THỨ BA
sửa-chữa cẩn-thận



SÁCH GIÁO - KHOA

TÂN VIỆT



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : TRUYỆN TRINH THỦ
Tác giả : TRẦN TRIỀU XỬ-SĨ HỒ HUYỀN QUI
ƯU-THIÊN BÙI KỶ HIỆU-ĐÌNH
Nhà xuất bản : TÂN VIỆT
Năm xuất bản : 1956

Nguồn sách : tusachtiengviet.com
Đánh máy : Linh2017
Kiểm tra chính tả : Nguyễn Phương Trinh, Thư Võ
Biên tập chữ Hán – Nôm : Linh2017
Biên tập ebook : Thư Võ
Ngày hoàn thành : 14/09/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận «
SỐ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả TRẦN TRIỀU XỬ-SĨ HỒ HUYỀN QUI, ƯU-
THIÊN BÙI KỶ và nhà xuất bản TÂN VIỆT đã chia sẻ với
bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

HIỆU-ĐÍNH CÁC TRUYỆN NÔM CỒ

KHẢO-LUẬN TRUYỆN TRINH THỬ

1. Sự-tích trong truyện
2. Tiểu-sử của tác-giả
3. Cách kết-cấu ở trong truyện
4. Văn-pháp và tâm-lý trong truyện

TRUYỆN TRINH THỬ

**CỔ VĂN VIỆT NAM
TRẦN TRIỀU XỬ-SĨ
HỒ HUYỀN QUI**

TRUYỆN TRINH THỦ

**ƯU-THIÊN BÙI KỶ
HIỆU-ĐÌNH**

IN LẦN THỨ BA
sửa-chữa cẩn-thận



**SÁCH GIÁO-KHOA
TÂN VIỆT
1956**

HIỆU-ĐÍNH CÁC TRUYỆN NÔM CỔ

Các truyện nôm của ta kể ra cũng khá nhiều, nhưng nhiều truyện nhất là những truyện cũ, cũng có người không biết, không để ý đến, cũng có người xem truyện KIỀU rồi cho hết thảy các truyện cũ là quê-mùa, không đáng xem, coi thường, không buồn đọc nữa, bởi vậy những truyện ấy hầu như là bỏ rơi vậy.

Chúng tôi xét ra có nhiều truyện cổ không phải là không có giá-trị, vẫn không phải toàn một vẻ chất-phác như người ta tưởng lầm ; nhiều câu, nhiều đoạn văn rất hay, ý rất sâu-xa, nếu bỏ mất đi thì bao nhiêu những áng văn-chương cổ một ngày một tiêu-diệt mất, thì thật đáng tiếc.

Bởi vậy chúng tôi muốn bảo-tồn lấy những di-sản quý-hoá của tổ-tiên để lại, và sưu-tầm những bản truyện hoặc in, hoặc chép bằng chữ nôm, lấy bản cũ nhất làm chuẩn-đích, đem đối-chiếu với các bản khác, so-sánh từng chữ, từng câu, đính-chính lại rồi chú-thích rành-mạch, để khỏi sai-lầm. Khi đã hiệu-đính, chú-thích xong, đem ra cùng nhau thảo-luận đính-chính rồi mới ấn-định xuất-bản.

Hiện-thời chúng tôi đã đính-chính xong bốn truyện NGỤ-NGÔN là : TRUYỆN TRÊ CỐC, TRUYỆN TRINH THỦ, TRUYỆN LỤC SÚC TRANH CÔNG và TRUYỆN HOA ĐIỀU TRANH NẮNG. Những truyện này do ông Phó-bảng Bùi-Kỷ hiệu-đính và chú-giải, và đem in thành từng tập riêng ; như thế các nhà học quốc-văn sau này sẽ có đủ tài-liệu để tra-khảo.

Lệ-thần Trần trọng Kim

KHẢO-LUẬN TRUYỆN TRÌNH THỬ

1. Sự-tích trong truyện

Con chuột bạch, góa chồng, nuôi một đàn con thơ, ở nhà ông Hồ Huyền-Quy là một ẩn-sĩ về cuối đời Trần, một hôm vì đi kiếm mồi bị chó đuổi, chạy vào một cái hang ở góc vườn nhà bên láng-giềng ; nhà ấy là nhà thủ-tướng Hồ Quý-Ly. Trong hang này, vốn có một đôi chuột, hôm ấy chuột cái đi vắng, chuột đực một mình ở nhà, chợt thấy chuột bạch chạy vào, hỏi rõ căn-do, bèn cố quyến-dỗ cho kỳ được. Nào là kể những cảnh vất-vả mẹ góa con cô, nào là tả những nỗi lạnh-lùng chán đờn gỏi chiếc, nào là tán-dương sự phú-quí vinh-hoa của nhà thủ-tướng, nào là cười-diễu sự bần-hàn cùng-quần của kẻ thư-sinh, sau cùng lại mạt-sát những người trọng luân-lý, chuộng tiết-nghĩa ở trên đời, đều là những người chỉ biết chuộng hư danh mà không bổ-ích cho sự thực chút nào. Song, chuột bạch khẳng-khăng cự-tuyệt, hể chuột đực viện ra một lý, thì chuột bạch lại dẫn được một lý khác để bác đi. Khi giải-nghĩa thế nào là luân-lý, khi lập-luận thế nào là tiết-nghĩa, khi chê cuộc phú-quí là áng phù-vân, khi khen thanh-cao là nền chính-khí, khi công-kích bọn triêu Tần mộ Sở là tuồng hèn-hạ đáng khinh ; sau cùng lại nói nếu bị áp-bách quá, thì quyết theo nghĩa « *sát thân thành nhân* » để bảo toàn lấy hai chữ trinh-tiết. Chuột đực thấy chuột bạch lời-lẽ nghiêm-chính và khảng-khái, đành phải kiếm lời từ tạ, để cho chuột bạch bằng lòng. Đang khi ấy chuột cái chợt ở đâu về, thấy chuột đực đang nói-chuyện với chuột bạch, ngờ rằng hai bên có tình-ý gì, tỏ vẻ bất bình lắm. Chuột bạch bèn

thuật lại đầu-đuôi, vì sự tị-nạn, bất-đắc-dĩ mà không tránh khỏi được nỗi hiềm-nghi, lời-lẽ ôn-tồn uyển-chuyển, trước là để biện-bạch tâm-sự của mình, sau là muốn gỡ cho chuột đực, để giữ sự êm-thắm trong chỗ lán-giềng, rồi từ-biệt thung-dung trở về. Nhưng sau đó, chuột cái không tin lời chuột bạch là thật, không những ray-rức chuột đực, kể-lể con cà con kê, lại còn đến tận nhà của chuột bạch để rêu-rao tiếng nọ tiếng kia. Đang khi ấy, một con mèo thành-linh ở đâu nhảy đến, chuột cái hoảng-hốt chạy ngã xuống ao. Hồ tiên-sinh trông thấy lấy làm ái-ngại, bèn đuổi mèo đi, vớt chuột cái lên, lấy lẽ phải chằng, giảng-giải đạo cư-xử ở trong gia-đình cho chuột cái nghe, và kể rõ đầu-đuôi cho chuột cái biết chuột bạch vốn một niềm chính-đính. Vì Hồ-sinh là người hiểu-biết tiếng các loài-vật, cũng như Công Dã-Tràng đời xưa, đã từng vì tính hiếu-kỳ, đứng nghe ở cửa hang chuột đực, từ đầu đến cuối, cho nên biết rõ hết cả. Xong rồi, Hồ tiên-sinh về thư-phòng chép ra truyện này, đặt tên là ***Trinh thử*** nghĩa là con chuột trinh-tiết.

2. Tiểu-sử của tác-giả

Các bản in cũ, ngoài bìa quyển truyện *Trinh thử* đều đề là « *Trần triều xử-sĩ Hồ Huyền-Qui tiên-sinh soạn* », nay xét trong nhân-vật sử đời Trần, không thấy chỗ nào nói đến truyện Hồ tiên-sinh. Trong các mục *Kinh-tịch chí*, *Văn-tịch chí* của ông Lê Quý-Đôn và Phan Huy-Chú không thấy kê tên truyện *Trinh thử* và cũng không nói gì đến ông Hồ Huyền-Qui.

Tác-giả truyện *Trinh thử* dùng được nhiều tiếng phương-

ngôn ngạn-ngữ của nước nhà, và ông Hồ Huyền-Quy tất là một bậc ẩn-dật rất có đức-vọng ở thời bấy giờ, mà bình nhật Hồ Quý-Ly vẫn phải tôn-sùng kính-trọng như hàng tôn-trưởng, cho nên trong cuốn truyện *Trinh thử*, ông Hồ Huyền-Quy mới dám công-nhiên mượn câu văn để ngụ ý trào-phúng. Thiết-tưởng đó là những lời ước-đoán, song cũng có phần đúng. Nay xem ở trong truyện có những câu sau này :

*Ngụ miền Lộc-đồng cảnh thanh,
Có Hồ-sinh vốn hiển danh đương thì.
Chẳng màng đuổi thỏ săn hươu,
Rồng còn uốn khúc ở ao đợi thì.*

thì biết tác-giả không phải là một người lão-phụ tầm-thường vậy. Tiếc rằng sách-vở đời Trần, trải qua cuộc binh-hỏa giặc Minh, tàn-phá gần hết, đến nay sưu-tầm rất khó, mong rằng các nhà lưu tâm đến văn-sử của nước nhà ra công thu-thập lấy nhiều tài-liệu để bổ-chính thêm vào.

3. Cách kết-cấu ở trong truyện

Cuốn truyện có thể chia làm ba đoạn :

- *Đoạn thứ nhất* : Chuột đực và chuột bạch thuyết-lý với nhau, chuột đực dỗ chuột bạch mười một lần, chuột bạch bác lại mười một lần.

- *Đoạn thứ nhì* : Chuột cái về nhà sinh sự với chuột đực và chuột bạch, rồi bị mèo đuổi, lại được Hồ tiên-sinh vớt lên và vâng nghe những lời dẫn-dụ.

- *Đoạn thứ ba* : là đoạn kết-luận, cho thói gian-tà là đáng chê, lòng chính-trực là đáng kính, và ngụ ý khuyên đời.

Cả cuốn đặt theo lối lục-bát, cộng là 848 câu.

4. Văn-pháp và tâm-lý trong truyện

a) Về cách đặt câu, ta nhận thấy chữ thứ nhì câu lục có mấy chỗ dùng tiếng trắc, như câu :

*Chàng nghĩ đàn đã êm tai,
Tin nhận, thư cá, gửi đi.*

Lối này về sau các nhà văn cho là khổ-độc, ít khi đặt câu như thế, trừ phi khi nào câu *lục* đặt theo lối tiểu-đối, nghĩa là ba tiếng trước đối với ba tiếng sau, và ở giữa câu *lục* có thể chấm ngắt ra làm đôi được (chấm đậu) như câu « *Trên gác phượng, dưới sân rồng* » hay là câu « *Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh* », thì chữ thứ nhì câu *lục* mới có thể dùng chữ trắc, đó là một chỗ khác nhau về cách đặt câu ở từng thời-đại một, tuy là thuộc về mặt hình-thức, song cũng có thể giúp cho nhà khảo-cứu về văn-sử được một vài phần.

b) Về cách dùng chữ, ta nhận thấy trong truyện có nhiều tiếng cổ, như tiếng « *khứng* » tiếng « *tách* » tiếng « *chưng* » tiếng « *thừa* », đến bây giờ ít dùng, và có người lại cho là tiếng nô-m-na quá, đó cũng là những tài-liệu rất cần về cổ-học cho những bạn ham đọc quốc-văn, mà thứ nhất là quốc-văn cũ. Trong truyện cũng có dùng chữ Hán, nhưng dùng toàn chữ thông thường, bởi thế ta có thể nhận rằng kho quốc-âm ta sở dĩ được phong-phú như ngày nay, tất là đã phải chứa góp bao nhiêu thời-kỳ, lúc đầu còn dùng những chữ phổ-thông, rồi dần dần dùng đến những chữ khó, trình-độ tiến-hoá ở trong quốc-văn đã qua được một bậc, thì lại

bước lên một bậc ; như cuốn truyện *Trinh thử* này, mới là những bước đầu dùng chữ Hán ở trong quốc-văn vậy.

c) Về cách viết văn thì thật là giản-dị và minh-bạch, chất-phác và hồn-hậu, tả cảnh một cách tự-nhiên, tả tình một cách lâm-ly thống-thiết. Như đoạn tả thầy đồ nghèo :

*Khó-khăn nhà xác như vờ,
Nước sông, gạo chợ, củi mua củi đồng.
Thịt chẳng có, cá thì không,
Chồn nằm chẳng có màn-mùng che thân.
Gà về bới nát cỏ sân,
Mèo buồn lại chạy kiếm ăn cỏi ngoài.
Chó nằm hè gặm vỏ khoai,
Lợn ngồi dũi đất ngậm hơi gầy-gò.*

Lại như đoạn tả người góa-bụa :

*Rắp toan nát ngọc chìm châu,
Lầu cao chẳng quản, giếng sâu chẳng từ.
Bạn vì một lũ con thơ,
Mong khi cả lớn bấy giờ sẽ hay.
Ví đeo tính nước lòng mây,
Thì chi chim Việt đỗ rày cành nam.
Mấy thu nước mắt chan cơm,
Lưng canh, đĩa muối, quả đơm thường lễ.*

Còn về cách trào-phúng thì thật là êm-dịu mà cay-chua, mát-mẻ mà đau-xót ; xem như chỗ chuột đực so-sánh loài vật với loài người :

*Thử coi lấy đấy mà suy,
Người thiêng hơn vật nào nghì ở đâu.*

*Người thời đăc thế-gian giàu,
Còn cầu thích chí còn cầu hư danh.
Huống chi vật mọn quần-sinh,
Giữ sao cho trọn tiết-trinh mà bì.*

Xưa nay chỉ người khen-chê người, đây lại bởi miệng con chuột nói ra, thật là một kỳ-tử của văn-gia.

Không những thế, từ-lý lại rất là sung-thiêm, như chỗ chuột đực kể cả một đoạn tình-sử để dỗ chuột bạch, kể từ Lã-hậu, Hồ-phi, Điêu Thuyền, Vũ Tắc-thiên, Trác Văn-Quân, cho đến truyện Lưu Nguyễn, Bạch Viên, muốn cho ta là dù phàm-trần, dù thần-tiên, cũng đều vướng-viu bận-bịu ở trong tình-trường. Rồi lại cực-lực bài-xích cả đến bài văn luận thữ, cho những phường bạch-diện thư-sinh toàn là nói lém. Có thể cho là một tay hùng-biện.

Lại như chỗ chuột bạch bác lại kể từ lúc mới đặt lễ lệ-bì, cho đến lúc có giáo-hoá, có chính-trị, thế nào là nghĩa tạo-đoan, thế nào là nền phong-hóa, lại mạt-sát đến cả những bọn tham danh vụ lợi, biến tiết khuất thân, thật là từ trực, lý trang, có thể dùng làm bài học luân-lý ở đời được.

Chỗ đặc-sắc nhất ở trong truyện này là dùng được nhiều câu phương-ngôn và tục ngữ, như những câu :

*Kình-nghê vui thú kình-nghê,
Tép-tôm thì lại vui bề tép-tôm.
Thà ăn cáy ngáy o o,
Còn hơn ngay-ngáy ăn bò làm chi.*

Không những tức cảnh sinh tình, vừa thiết-thực, vừa có nhiều thanh-thú, mà lại chọn được những câu toàn có tên con

giống để làm cho câu văn màu-mẽ thêm lên.

d) Xem suốt cả cuốn văn này, ta nhận thấy tác-giả muốn mượn truyện con chuột đực và con chuột bạch để vạch rõ hai con đường đời, là *đường tà* và *đường chính*. Hai con đường này không bao giờ hợp làm một đực, nhưng vẫn có lối thông sang với nhau. Những người đi trên hai con đường này có lúc bên nọ đông hơn bên kia, cũng có người trọn đời theo một con đường, cũng có người đang ở con đường này đi sang con đường nọ. Vì thế mà cõi đời lúc nào cũng có người tà, người chính, lúc nào cũng có người đang chính hóa ra tà, đang tà hóa ra chính. Song xét cho kỹ, tà và chính bởi đâu mà sinh ra. Tà và chính chẳng qua là hai cái danh-hiệu tương-đối. Nếu hẳn là không có tà, thì chính cũng không cần phải gọi tên lên nữa. Vì những nỗi thiên-tư của nhân-dục người ta mới phạm vào đường tà ; kỳ thực, người ta bẩm-sinh ra có phải ai cũng là bất chính đâu. Dù ít hay nhiều, người ta ai cũng có lương-tâm, tức là cái mầm, cái rễ của điều thiện, mà thiện tức là chính vậy. Vì thế cổ-nhân mới lấy bốn chữ « *tu ố* » và « *trắc ẩn* », để xét về tâm-tính người. Ai cũng có lòng *tu ố* và *trắc ẩn*, tất là ai cũng có lòng lành ; giữ được lòng ấy mà khoáng-sung mãi ra thì trở nên hiền-nhân quân-tử, còn những kẻ gian-ác tiểu-nhân, bẩm-nhiên vẫn có lòng lành, chỉ vì bị vật-dục chướng-tế mà đến nỗi lạc lối lầm đường. Tà và chính không phải chỉ quan-hệ về tư-cách cá-nhân, mà lại có thể làm hại hay làm lợi cho loài người rất to, vì xưa nay trăm điều tội-ác làm nhiễu-loạn, trong từ gia-đình, ngoài đến tộc-đảng, hương-ấp, quận-quốc rồi cả đến thế-giới đều bởi một chữ tà cả. Và chẳng đời nào chính thịnh tất là đời thịnh, đời

nào chính suy tất là đời suy, bởi thế ai có con mắt nhận rõ về cái hiềm-tượng của loài người, hoặc về hiện-tại, hoặc về tương-lai, đều phải lấy hai điều « *phù chính ức tà* » là hai vấn-đề rất quan-trọng. Tác-giả sinh ở cuối thời Trần, vào hồi khí-diễm họ Hồ đang mạnh, mà cả triều đều a-phụ một hùa, nhận thấy thói đời xu viêm phụ nhiệt thái quá, có khi cả những người có học-thức cũng không biết lễ-nghĩa liêm-sĩ là gì, mới động lòng trung-phẫn mà viết ra truyện này, nói con chuột đực, tức là ám-chỉ những đảng Quý-Ly, nói con chuột bạch tức ám-chỉ những bậc trung-thần lúc bấy giờ.

Song than ôi ! ở đời người chính vẫn còn, và kẻ tà không bao giờ hết ; hết bọn Hồ Quý-Ly này đến bọn Quý-Ly khác, cuốn truyện *Trinh thử* này có phải chỉ vì đời Trần mới xuất-hiện ra đời đâu ?

Ta có thể nhân ở đoạn kết-luận có những câu sau này :

*Nào ngờ vi-vật chính-chuyên,
Rằng chê, mà cũng đáng khen lệ gì.
Cũng hay trinh-tiếc giữ nghi,
Vật còn dường ấy hưởng chi là người.
Ai hay đen-bạc biến rời,
Dẫu người chẳng biết nhưng trời đã hay.
Những người mặt dạn mày dày,
So xem ắt cũng chẳng tài muông kia.*

Nếu ngẫm-nghĩ cho kỹ, thì ta nên liệt cuốn văn này vào tập văn ngụ-ngôn, và nên công-nhận cuốn văn này rất có giá-trị về văn-chương và về luân-lý vậy.

Sau khi đọc đi đọc lại nhiều lần, tôi xin lạm đề vào cuốn

truyện *Trinh thử* mấy câu để giải thêm cái thâm-ý của tác-giả :

*Khen thay chuột bạch chính-chuyên,
Ngán thay đen-trắng đảo-điên trò đời,
Gặp cơn dâu bể đổi dời,
Đã thiêng hơn vật là người tính sao ?
Ngẫm xem đất thấp trời cao,
Thế nào là trọc, thế nào là thanh ?
Quyển vàng dõ trước đèn xanh,
Lưu phương, lưu xứ rành rành còn ghi.*

Thế mới biết :

*Thói tà-phong tan chóng,
Mùi chính-khí thơm lâu,
Người mẫn thế động lòng đau-xót,
Văn ngụ-ngôn giải ý cao sâu.
Trách ai hắc-bạch thay lòng, vì nắm lợi mờ danh mà lẫn-
quất ;
Để khách thanh-cao ngựa mất, nghĩ tình đời, thói tục lại
âu-sầu.
Ngán thay chiếc mặt phong-trần, sóng vui-dập cũng thừa
một kiếp ;
Khéo bõn-cột cái mồm nguyệt-đán, lời mĩ-mai để lại
ngàn râu.*

BÙI ƯU-THIÊN

TRUYỆN TRÌNH THỦ

Vừa năm Long-khánh đời Trần,¹
Muôn phương triều-cống mười phân thái-bình.
Ngự miền Lộc-đổng cảnh thanh,²
Là Hồ-sinh vốn thiện-danh đang thì.³
Nhiều bề cách vật trí tri,⁴
Tiếng muông chim lại hay suy nên lời.
Kinh-thành nhân thừa ra chơi,
Lý Lê thủ-tướng gần nơi ngụ nhà.⁵
Canh ba thánh-thót đồng-hồ,
Lạ nhà chưa ngủ hồ-đồ xiết bao.⁶
Bỗng nghe bên cội bích-đào,
Tiếng con muông sủa bào hao dậy-dàng.⁷
Chẳng là chuột bạch bên tường,
Cong đuôi mà chạy vội-vàng hải kinh.
Cửa hang sẵn ở góc thành,
Chạy ngang vào đó ẩn mình một khi.
Mất mỗi muông lại chạy đi,
Trong hang dường tiếng nam-nhi hỏi rằng :⁸
« Uầy ai quen-thuộc chưa tường !
Đêm khuya đường-đột vì chưng có nào ? »
Hồ-sinh thấy sự lạ sao,
Đến bên tường, ghé mắt vào dòm chơi.
Thấy con chuột đực nằm dài,
Lời ăn tiếng nói như người chưa khôn.
Đương khi nói ngọt, nói ngon,

Bây giờ chuột bạch còn run như cây.⁹
Một giây tỉnh lại mới hay :¹⁰
Vì chưng lỡ bước biết đây chốn nào.
Tới lui không biết làm sao,
Khác nào như thể cáy vào hang cua.¹¹
Dám bày nông-nỗ trình thưa,
Rằng : « *Tôi nhà cũng quanh-co miền này.*
Quá chưn lạc lối tới đây,
Chẳng may bỗng gặp muông-cầy bắt nhân.
Phúc sao mà cũng mau chân,
Chạy vào lại được gửi thân chốn này.
Rộng cho nường-náu ở đây,
Được qua nạn ấy ơn dày dăm vong ».
Lời ăn tiếng nói thông-dong,
Chàng nghe cũng động tấm lòng nước mây.
Rằng : « *Sao cả quyết tới đây,*
Nào chổng con ở đâu, nay làm gì ?
Một mình khuya-khoắt ra đi,
*Dường như giống vạc, có gì ăn đêm ?*¹²
*Hay là nhẩn cá, gửi chim,*¹³
Đêm xuân đón gió đi tìm mùi hương ?
*Rằng ta rộng-rãi lòng thương,*¹⁴
Phỏng như gặp kẻ phũ-phàng thì sao ? »
Nàng nghe chàng nói thấp cao,
Nỗi mình mới kể tiêu-hao xa gần :
« *Thiếp nay ở mái đông-lân,*
*Vì cơ thương-cầu lang-quân tếch ngàn.*¹⁵
Mỗi lòng khôn xiết thở-than,

Thương chồng lại xót một đàn con thơ.
Rồng-rồng theo nạ sớm trưa,¹⁶
Của đâu cho được dư thừa miếng ăn.
Pha-phôi chẳng quản nhọc-nhăn,
Chân le chân vịt nào phân đêm ngày.¹⁷
Nghe quan thủ-tướng bên này,
Cửa-nhà tráng-lệ, của dày bằng non.
Muốn ăn hết, phải đào giun,¹⁸
Pha bờ xông bụi nào còn biết e.
Đêm hôm cũng dẫn mình đi,
Sang đây kiếm ít đem về làm lưng.¹⁹
Ai ngờ gặp đũa gió trăng,²⁰
Cho nên khuất nẻo lạc chừng khốn thay ! »
Chàng nghe nông-nỗi giải-bày,
Quyết lòng cầm-sắt một hai dỗi-dành.
Rằng : « Nàng giải hết chân tình,
Thương thay phận gái một mình long-đong.
Đã hay trong đạo vợ chồng,
Nghĩa sâu tình nặng há lòng chẳng thương.
Kính quyền đôi lẽ là thường,²¹
Được nơi tựa ngọc nương vàng thời thôi.
Chẳng lo mẹ góa con cô,
Sớm khuya loan-phượng no đôi đường nào.²²
Chẳng lo liễu cột hoa chào,
Bướm gịn ong giữ làm sao cho tuyền.
Vả nàng là gái thuyền-quyên,
Phỏng khi gặp kẻ vô duyên khôn dè.²³
Ví mà dốc tấm lòng qui,²⁴

Giữ sao cho được trọn bề hướng dương », ²⁵
Nàng nghe ăn-nói sỗ sàng,
Muôn sầu tầm-tã, hai hàng chứa-chan.
Cúi đầu thưa nói khoan-khoan :
« Thiếp như phận liễu gặp cơn gió đoài. ²⁶
Đã thương mới dám ngỏ lời,
Nhớ trong thanh-sử hôm mai ghi lòng. ²⁷
Chữ rằng : tòng nhất nhi chung, ²⁸
Gái hiền thờ chỉ một chồng chẳng hai.
Cương-thường đạo cả há chơi,
Một niềm hằng giữ, mấy lời đình-ninh.
Vả nay bóng đã xế màn,
Dám đâu còn lại gieo mình nữa nao.
Mặc ai ong-bướm xông-xao,
Mười phần cũng chẳng chuyển-dao một phần. ²⁹
Hạ qua dám ước lại xuân,
Để hầu gà luộc mấy lần nữa sao ? ³⁰
Phận đành cho ả họ Tào, ³¹
Mong sân hòe được thanh-cao là mừng. ³²
Bây giờ sẩy bước lỡ chừng,
Tôi đây đã đội ơn chưng lòng chàng. ³³
Đoái thương thân-phận lỡ-làng,
Dạy đường phương-tiện lòng càng cảm ơn. ³⁴
Tóc tơ giải hết nguồn cơn,
Quyết liều chịu tốt thờn-bơn một bề. ³⁵
Vu qui núi chỉ non thề, ³⁶
Tấc lòng đá tạc vàng ghi dám rời.

Ở đời kiên-ngạnh với đời,³⁷
Kéo e oanh-yến những lời khen-chê !
Chàng rằng : « Nàng vẫn chấp-mê,
Chẳng hay lo trước ắt thì lụy sau.
Hãy suy cho thấu cơ-mầu,
Trong khi tụy-hoán dễ hầu một ai.³⁸
Chữ rằng : xuân bất tái lai,
Một ngày là mấy sớm mai hỡi nàng !
Tới lui đôi lẽ cho tường,
Tính bề xử biến hơn đường kiên trinh.
Kết làm phu-phụ chi tình,
Chẳng lo thuyền bách lênh-đênh giữa nguồn.³⁹
Lòng xuân tưởng đến cũng buồn,
Chẳng nghe câu ví phương-ngôn thường lẽ :
Chơi xuân kéo hết xuân đi,
Cái già sông-sộc nó thì theo sau.
Ngựa qua cửa sổ bao lâu,⁴⁰
Kiếp toan kiếm chốn bán sầu mua vui.
Hoa tàn nhị rửa thì thôi,
Bấy giờ ai kẻ còn lời tóc-tơ.
Một mình giữ đống con thơ,
Để ai lo-lắng sớm trưa với nàng.
Có khi biến, có khi thường,
Suy điều cùng chiếu cùng giường vầy vui.
Song song như đũa có đôi,
Ấm-no cùng thỏa, ngọt bùi cùng ăn.
Bằng khi vò-vỡ nửa chẵn,
Canh khuya trần-trọc bán-khoăn vui gì ?

Được chẳng một tiếng tiết-nghì,
Bắc đồng cân thử xem bề nào hơn.
Xưa nay mấy kẻ hồng-nhan,
Gan vàng dạ ngọc cơ-hàn được đâu.⁴¹
Như người phú-các thư-lâu,⁴²
Lòng son dạ sắt mình đâu dám bì ! »
Nàng rằng : « Phận gái vụng-về,
Đắn-đo chút cũng thấu bề phải chẳng.
Vợ chồng đạo cả lẽ hằng,
Tạo đoan lẽ ấy há rằng phải chơi.⁴³
Kể từ thừa mới thiên khai,
Năm hàng ở nội chưa ai biết gì.
Cũng còn có lẽ lệ-bì,⁴⁴
Chê loài cầu hợp răn bề dâm-bôn.⁴⁵
Phu-thê phong-hóa chi nguyên,⁴⁶
Sự vong như thể sự tồn kéo quê.⁴⁷
Trời đâu phụ kẻ tiết-nghì,
Lân-kinh, mao-giản tạc ghi còn truyền.⁴⁸
Đời xưa mấy gái tiết-hiền.⁴⁹
Chẳng nên giống nọ, thì nên giống này.
Mấy người tính nước, lòng mây,⁵⁰
Sớm đưa gã Lý, tối vầy chàng Trương.⁵¹
Sử xanh còn chép rõ-ràng,
Lòng này đâu dám ra tuồng như xưa.
Kẻ chồng còn đó trơ trơ,
Cùng người khác đã đợi-chờ tình chung.
Kẻ thời mới khuất mặt chồng,
Chưa xanh ngọn cỏ, cải dong, biển nghì.

Những loài ấy kể làm chi,
Rành-rành bia miệng còn ghi đến rày ». ⁵²

Chàng nghe lại nói lời này :
« Nàng tuy biết một chưa hay biết mười.

Đã là tai mắt ở đời,
Cứ mình chớ bắt-chước người vụ danh.

Ở trong thế-sự vẫn thanh, ⁵³
Hễ mà miễn được ích mình thời thôi.

Ví dù bắt-chước như ai,
Nói màu trinh-tiết, ở loài bôn-ba.

Hán thời Lã-hậu ai qua,
Sớm khuya cửa tía, vào ra nhà vàng.

Từ khi khuất mặt Hán-hoàng,
Mà lòng tư túi với chàng Tự Cơ. ⁵⁴

Ả Hồ-dương nọ chẳng vừa, ⁵⁵
Cớ gì mà lại toan thờ Tống-công. ⁵⁶

Kìa như Vũ-hậu cũng nồng,
Mày ngài được sánh bệ rồng mấy phen. ⁵⁷

Vua Đường thoát mới xe tiên, ⁵⁸
Rủ rèm trong đã có nguyên riêng tây.

Họ Trương đôi gã đẹp thay, ⁵⁹
Hứa Tam-tư lại chuyển tay mạn đào.

Điều Thuyền há chính-chuyên nào, ⁶⁰
Khi ra Lã Bố, khi vào董卓-công. ⁶¹

Gặp ai thời nấy là chồng,
Cõi đời đâu đấy đều cùng cười chê.

Thử coi lấy đấy mà suy,
Người thiêng hơn vật nào nghì ở đâu ?

*Người thời đắc thế sang-giàu,
Còn cầu thích ý, còn cầu hươu danh.* ⁶²

*Huống chi vật mọn quần sinh,
Giữ sao vẹn chữ tiết-trinh mà bì ».*

*Gót đầu nàng lặng ngời nghe,
Lâu lâu lại ngoảnh mặt đi thờ dài.*

*Chàng nghĩ đàn đã êm tai,
Kể đường lợi-hại nói chơi xa gần.
Rằng : « Thương nàng chữa yên thân,
Ở nơi đình-chủ đông-lân bây giờ.* ⁶³

*Khó-khăn nhà xác như vờ,
Nước sông gạo chợ, củi mua củi đồng.
Thịt chẳng có, cá thời không,
Chốn nằm chẳng có màn-mùng che thân.*

*Gà về bới nát cỏ sân,
Mèo buồn lại chạy kiếm ăn ngõ ngoài.*

*Chó nằm hè gặm vỏ khoai,
Lợn ngời dũi đất ngậm hơi gầy-gò.* ⁶⁴

*Vật nuôi còn chữa được no,
Của đâu thừa-thãi để cho đến nàng.*

*Vả hay tiếc của giữ-giàng,
Giang-san một năm lại càng dẫu-dung.*

Vắt chà ra nước ròng ròng, ⁶⁵
Miếng ăn đẽ cột chớ hòng mon-men. ⁶⁶

Hứng tay dưới, vắt tay trên, ⁶⁷
Rán sành ra mỡ bon-chen từng điều.

*Treo cổ chó, buộc cổ mèo,
Bình dưa lọ muối chặt-chiu nom-dòm.* ⁶⁸

Vật đầu cá, vá đầu tôm,⁶⁹
Liệu thương bữa sớm bữa hôm ít nhiều.⁷⁰
Hạt rơi hạt rụng bao nhiêu,
Chậu-bồn úp lại, ai đào chẳng ra.⁷¹
Thấy nàng lòng dạ xót xa,
Châu chan sầu-tủi nghĩ hòa thương cho.⁷²
Anh nay nhờ phận ấm-no,
Tổ-nhân thiên táng, huyết do mỗi đùn.⁷³
Hội long nhập thủ chuyển khôn⁷⁴
Bao nhiêu hổ thủy cũng tuôn nhập đoàn.⁷⁵
Rày chen vượng-tướng hào tài,⁷⁶
Đông-phương tị ngộ mấy đời đến nay.⁷⁷
Vả xem cây lộc tốt thay,⁷⁸
Quý-nhân phù-trợ tài này làm nên.
Lại xem tiền-định chẳng hèn,
Mười thầy cũng nói như in một lời.
Sổ tử-vi đã giải-bày,
Tham-lang thủ mệnh ắt rày vượng thay.⁷⁹
Vậy nên gặp cửa người đây,⁸⁰
Ngôi cao nhất phẩm, lộc dày thiên chung.
Tòa ngang dãy dọc trùng trùng,⁸¹
Tả lâu hoa tạ, hữu cung ngọc đường.
Của thời núi bạc non vàng,
Thóc Chu, lúa Hán kho-tàng xiết đâu.⁸²
Thạch Sùng tắc lưỡi lắc đầu,⁸³
Nhân-sinh rất mực hòa giàu hòa sang.
Thức gì thức chẳng sẵn-sàng,

Giàu lòng ăn-ở nghênh-ngang một mình.
Vả nhà lắm kẻ hiền-lành,⁸⁴
Tụng kinh chẳng nở sát sinh loài gì.
Khi vui khúc-khích đầu hè,
Dẫu rằng gia-chủ chẳng hề dễ-dui.⁸⁵
Ngắm thân được chốn an vui,
Hiềm vì một chút số sui muộn-màn.
Muốn cho vẹn nghĩa Tấn Tần,
Tìm phương phụ-hậu ân-cần những lo.⁸⁶
Đã từng xem quẻ bói rùa,⁸⁷
Còn toan bói bạc xem cho mới đành.⁸⁸
Nghe rằng Già-pháp thần-linh,⁸⁹
Quyết lòng cầu tự đình-ninh đến chùa.
Trong nhà hắc hổ trấn phù,⁹⁰
Sinh con sinh cái nuôi cho dễ-dàng.
Tìm thầy Biển Thước lập phương,⁹¹
Mã-đề, qui-bản, sà-sàng, lộc-nhung.⁹²
Nhân-sâm, liên-nhục, mật-ong,⁹³
Pha cao hổ-cốt ban-long luyện hoàn.
Bổ trong ngũ nội đã an,⁹⁴
Vợ chồng lục-vị, thập-toàn uống chung.⁹⁵
Trong lòng còn nghĩ chưa xong,
Rắp tìm một kẻ thiên-phòng chưa ai.⁹⁶
To đầu vú, cả dài tai,
Dày nơi ngư-vĩ, cao nơi ngọa tà.⁹⁷
Biết đâu như thế mà tìm,
Nhờ tay nguyệt-lão khéo đem kết duyên.

Hôm qua máy mắt cho liền,
Nhện sa trước mặt báo tin ngoài thềm.
Bẻ chươn gà mới so xem,
Vững con, tươi cái, ngoài đun quá nôi. ⁹⁸
Cho hay duyên-kiếp bởi trời,
Nghiệm xem báo ứng rạch-ròi chẳng sai.
Hôm nay mẹ nó đi chơi,
Phòng chừng cũng đến có đôi ba ngày.
Mà nàng lạc lối tới đây,
Vả coi hình-tướng cũng tà nàng Oanh. ⁹⁹
Khác loài tước bộ xà hành, ¹⁰⁰
Lại xem phụ tướng kiên-trinh ai bì.
Muốn nên một chút nghĩa chi,
Chẳng hay nàng có khứng vì cùng chẳng ? ¹⁰¹
Đưa duyên nhờ gió gác Đăng. ¹⁰²
Đành hay con tạo nhắc bằng đồng cân.
Sau toan cách cứu đỉnh tân, ¹⁰³
Lại vầy lại hợp cho nhuần sớm khuya.
Nọ là núi chỉ non thề,
Bất kỳ nên nghĩa tương kỳ mới hay.
Đem con sang ở bên này,
Phòng khi ấm-lạnh đỡ thay cho mình.
Nơi ăn chốn ở chung-chinh, ¹⁰⁴
Chẳng lo khó-nhọc cũng đành ấm-no ! »
Nàng nghe chàng nói nhỏ to,
Bây giờ mới kể sự Hồ Quý-Ly :
« Làm người mang tính hồ-nghi,
Thấy người cốt-ngạnh chẳng vì chẳng yêu. ¹⁰⁵

Vấy-vùng ếch giếng tự kiêu,
Tham-lam chẳng khác Lý-miêu đời Đường. ¹⁰⁶

Bệ rồng gác phượng tắc gang,
Quen lòng khuyển-mã toan đường dong thân.

Nữ làm đố quốc hại dân, ¹⁰⁷
Những phần ích-kỷ nào phần ích ai.

Rời ra động đất chuyển trời,
Bấy giờ có lẽ đứng ngồi làm thịnh.

Cá ao lệ nữa cháy thành, ¹⁰⁸
Cũng nhiều cấp phải lánh mình cho hay. ¹⁰⁹

Sao bằng đình-chủ thiếp nay,
Ba gian oa-xá tháng ngày tiêu-dao. ¹¹⁰

Chẳng lo đuổi thỏ săn hươu, ¹¹¹
Rồng còn uốn khúc ở ao đợi thì.

Kinh-nghê vui thú kinh-nghê,
Tép-tôm thì lại vui bề tép-tôm.
Xem loài bán thỏ buôn hùm, ¹¹²
Thấy mỗi như trĩ bởi tham mắc giò. ¹¹³

Thà ăn cáy ngáy o o,
Còn hơn ngay-ngáy ăn bò làm chi. ¹¹⁴

Chớ quen bán chó mua dê,
Vui cùng hạc nội ham chi gà lồng. ¹¹⁵

Sá chi chiêu ấỵ như không, ¹¹⁶
Xác ve luống chịu tiếng trong cũi đời.

Gặp sao hay vậy, bao nài,
Cớ chi mà phải nghe ai bây giờ ».
Chàng rằng : « Hãy được nường-nhờ,
Bao giờ biến-cải bấy giờ sẽ hay.

Chùa khi đến nổi cháy mày,¹¹⁷
Vội chi mà bỏ chốn này đi đâu.
Mặc khi báo-ứng nhiệm-mầu,
Quý-Ly dù có về sau chẳng tuyền.
Cưỡi rồng ta đã bằng nguyên,¹¹⁸
Ứng điềm hùng hỷ vầy đoàn gái trai.¹¹⁹
Chước nào ước được như lời,
Cũng đành muôn kiếp ngàn đời chẳng quên ».
Nàng rằng : « Lời dạy quá nên,
Song trong lòng nọ đá vàng dăm nguôi.
Tuy rằng nường-náu ở đời,
Dường ve gầy-gục, dường giới võ-vàng.
Những lo trọn đạo thờ chồng,
Chồng sao thiếp vậy, kéo càng xấu nhau.
Hầu mong nát ngọc trầm châu,¹²⁰
Lầu cao chẳng quản giếng sâu chẳng từ.
Bạn vì một lũ con thơ,
Mong khi cả lớn bấy giờ sẽ hay.
Ví đeo tính nước lòng mây,
Thì chi chim Việt đỗ rày cành nam.
Mấy thu nước mắt chan cơm,
Lưng canh đĩa muối quả đơm thường lễ.
Bởi phân làm thập nhị chi,¹²¹
Trong kinh ghi dạy Thử-bì còn gương.¹²²
Dám đâu lỗi đạo cương-thường,
Nghĩa phu-phụ nữ dám đường bội vong.
Thấy câu phu xứng phụ tông,
Ghi lời tiên-thánh, dặn lòng đình-ninh.

Há còn kén cá chọn canh,
Cơm nem đã trải tay chanh đã từng.¹²³
Ơn chàng thương kẻ lỡ chừng,
Xin đừng dạy tiếng gió trăng nữa rày ».
Nghe lời chàng mới chau mày,
Nghĩ rằng tiết ngọc khó lay được nào.
Dỗ-dành không biết chước sao,
Vẫn là hờ-hững làm cao với mình.
Lại bày lời khác ướm tình,
Để xem lòng gái tiết-trinh kia là :
« Rày nhân bướm được gần hoa,
Thuyền ngư-ông tới doanh mà chẳng nhưng.¹²⁴
Chàng Lưu từ sánh ả Hằng,¹²⁵
Bởi chưng gặp-gỡ há rằng rấp-rinh.
Bạch-viên xưa kết Tôn-sinh,¹²⁶
Chẳng vì dan-dúu, bỏ kinh tòng quyền.
Cầm lành dù chẳng nổi huyền,
Nghe trong tình-ý còn nên tiếng gì ;
Bá Nha đã gặp Tử Kỳ,¹²⁷
Bảo sơn ai nữ trở về tay không ».¹²⁸
Nghe lời nàng mới ngán xong,
Rằng sao quân-tử ra lòng sài-lang.
Qui dâm ghi lại còn gương,¹²⁹
Trong kinh giới-sắc sao chàng chẳng răn.
Tràng Khanh tư ả Văn Quân,¹³⁰
Tống-sinh dùng gái chủ-nhân chẳng vì.¹³¹
Chàng sao chưa tát sông mê,
Xui ai cải tiết biến nghi sao đang.

Ví lòng thiếp chẳng đá vàng,
Thời danh-tiếng ấy nữa chàng để đâu ?
Chàng nghe thấy nói gặt đầu,
Rằng : « Anh là kẻ bất cầu lợi-danh.
Chớ tin bạch-diện thư-sinh,¹³²
Một văn luận thử mà khinh giá này.¹³³
Xiết bao bướm lữ ong bầy,
Chẳng quen khoét vách, chẳng hay leo tường.¹³⁴
Dám nào thiết ngọc thoa hương,¹³⁵
Gìn trong danh-tiết lánh đường phiến hoa.
Ví dù đem thói dâm-tà.
Mày loan tóc phượng vào ra hiểm gì.
Tin chim thư cá gửi đi,
Cũng nhiều nơi rấp nơi vì riêng tây.
Đắp tai làm mặt chẳng hay,¹³⁶
Những lời hoa-nguyệt xưa nay chưa hề.
Thấy nàng gái ở có nghi,
So xem khác giá nữ-nhi thời này.
Ước nên chút nghĩa nước mây,
Chàng mê gì sắc bởi say vì tình.
Chúa xuân dầu có đành-hạnh,
Đến vườn cũng bẻ một cành cho cam.
Rồi ra đôi ngả bắc nam,
Dầu lòng thu tưởng xuân tìm được chẳng.¹³⁷
Tình xuân ví chẳng đãi-đăng,
Cũng đà mang tiếng rằng rằng bề ngoài ». ¹³⁸
Dứt lời nàng mới giải-bày :
« Những điều mặt dạn mày dày khó coi.

Vườn xuân chàng sẵn có nơi,
Nguyệt-hoa sao nữ ép-nài như ai.
Bây giờ rừng mặt vách tai,¹³⁹
Việc trong mới rắp kẻ ngoài đã hay.
Vầng trăng đã ngả về tây,
Để cho thiếp trở về rày với con.
Đường trường trở cách nước non,
Lũ hài tướng nó hãy còn thơ-ngây.¹⁴⁰
Nể lời quanh-quất mãi đây,
Hoặc người về đó lời này tiếng kia,¹⁴¹
Lại càng đại đáng nga-mi,
Trăm năm danh-tiết xướng tùy sao đang.
Ví đem tang-bộc thói thường,¹⁴²
Xưa nay dạ sắt gan vàng như không ». .
Biết rằng nàng chẳng chuyển lòng,
Bấy giờ chàng mới nói sòng họa may :
« Vốn người chính thất nhà này,
Trâm-anh lệnh-tộc xưa nay vẫn là.¹⁴³
Đàn-bà ấy mới đàn-bà,
Ngọt-ngào có một, sai-ngoa chưa từng.
Chịu chồng khuya sớm nở-nang,
Phải chẳng chẳng dám cạy răng một lời.
Ra vào bật tiếng ngậm hơi,
Một mình săn-sóc hôm mai nhọc-nhăn.
Muốn cho được kẻ đỡ-đần,
Quan-quan hảo điều muôn phần những mong.¹⁴⁴
Chẳng như kẻ bắc người đông,
Ghen-tuông vì nỗi chồng chung nông-nàn.

Cát leo cù-mộc rắp toan,¹⁴⁵
Xích-thăng xui khéo tạo-đoan một niềm.
Được nàng làm chị làm em,
Cùng ăn, cùng ở, chẳng hiềm giận chi ».
Nàng rằng : « Chàng dạy thế thì,
Phụ-nhân đĩ-kỵ xưa kia còn lời.
Phương-ngôn câu ví để đời,
Nhường cơm nhường áo để ai nhường chồng ?
Hiếm chi trong chốn non sông,
Thiên-hương quốc-sắc như bông hoa đèn.¹⁴⁶
Sá chi nửa cánh hoa tàn,
Tình kia ý nọ bàn-hoàn nửa chi.
Thiên cao mà lại thính ti,¹⁴⁷
Trên đầu chẳng nghĩ còn thì có ai.
Cổ lòng ép trúc nài mai,
Mượn dao thiếp quyết một bài cho xong ».
Bấy giờ kinh-sợ hãi-hùng,
Bát-trân chàng mấy giải lòng cho qua.¹⁴⁸
Rằng : « Nàng may lại tới nhà,
Tiễn đưa một tiệc gọi là cố tri.
Dẫu rằng dưa muối chớ nề,
Còn thừa nàng phải đưa về cho con.
Gọi là cửa khác nước non,
Đưa ra mọi thức miếng ngon mỹ-hào.¹⁴⁹
Nem lân, chả phượng, yến sào,
Đàn con chưa để biết bao mùi này ».
Trình rằng : « Nhà thiếp xưa nay,
Ngày nào cũng phải như ngày thanh-minh.¹⁵⁰

Vả trong cương tỉnh phong thanh,¹⁵¹
Giang-sơn một giải triều-đình tri danh.¹⁵²
Mở-mang trời cũng có mình,¹⁵³
Lẽ nào dám để thường tình cười chê.
Xin thôi cho thiệp trở về,
Ơn chàng non núi để thì đền sau ». .
Rằng : « Bây giờ chưa thấy đâu,
Chẳng là rồi đến mai sau tích gì.
Cho hay rằng thói nữ-nhi,
Biết chẳng chỉ có một bề mà thôi ». .
- « Chàng sao khéo nói nên lời,
Hoa kia nguyệt nọ ra người phải ru ? »
Bấy giờ trong dạ oán-thù,
Lặng ngồi chàng mới nghĩ cho rạch-ròi :
Như ta cứu nạn cho rồi,
Cũng nên ơn nặng muôn đời chớ sao.
Thế mà nhiều nỗi ước ao,
Thấy nào trả nghĩa, thấy nào trả ân.
Khôn-ngoaan rất mực hồng-quần,
Tại bình mà nói dối dần cũng xuôi.¹⁵⁴
Nghĩ thương thân-phận lạc-loài,
Chồng con nào có biết ai hay là.
Trông người ra cách phong-hoa,
Thế mà những thói dâm-tà thời không.
Hay buồn lý bắc lân đông,¹⁵⁵
Cho nơi cốt-cách mà lòng chẳng yêu.
Nay ta nói đã đến điều,
Chẳng lay tiết ngọc, chẳng xiêu lòng vàng.

Tính rằng khuyên-dỗ lấy nàng,
Đỡ khi chim cá, tiện đường chung-tư. ¹⁵⁶

Nghĩ mình là kẻ văn-thư,
Đầu-đuôi nghĩ lại mà dơ-dáng đời.

Thôi thì thôi cũng chịu thôi,
Kiếm đường chữa thẹn mấy lời cho qua :

« *Thiêm-cung bóng đã tà tà,* ¹⁵⁷
Khuyên rằng mau trở lại nhà với con.

Những lời ban tối nỉ-non,
Thấy nàng có dạ sắt-son thử tình.

Trăng hoa coi những làm thình,
Có trời hẵn biết cho mình mà thôi.

Ví dù đây cũng như ai,
Ép tình cá nước phải nài-nắm chi. ¹⁵⁸

Nàng hay nói quái nói kỳ,
Xưa nay âm thịnh dương suy thường tình. ¹⁵⁹

Khen cho một dạ kiên trinh,
Dẫu rằng nghiêng nước nghiêng thành dễ đâu.

Xin đừng để tiếng cho nhau,
Cành hoa còn giữ được màu tại ta ».

Thưa rằng : « *Thân-phận đàn-bà,*
Trông ơn đã được khỏi qua nạn rồi.

Đức dày đành trả muôn đời,
Nghe lời thiếp phải liệu lời kêu ca.

Ơn dày trả nghĩa trăng hoa, ¹⁶⁰
Lại là nghiệp-chướng lại là trái duyên.

Xin chàng nghĩ lại chớ phiền,
Đừng hồ-nghì nữa thiếp xin trở về ».

Bấy giờ sắp-sửa ra đi,
Vợ chàng lo-lắng việc chi đã về.¹⁶¹
Thấy chàng đưa tiền đề-huê,¹⁶²
Ngâm thơ mà giải lòng quê kéo nồng.¹⁶³

Thơ rằng : « Non sông cách trở vững ba thu,
Giấc bướm mơ-mòng núi vọng-phu.
Khen kẻ rắp cùng gan phượng chạ,
Trách chàng toan tuốt ruột tằm khô.
Một niềm dạ sắt in văng thỏ,
Mấy lúc lòng vàng chỉ bóng ô.
Chăn-gối lẻ-loi đà mấy tối,
Mà lòng đã nở thế kia ru ! »

Chuột bạch tức ý hoạ rằng :
« Danh-tiết kia mà biết mấy thu,
Nghe quyên khắc-khoải tiếng tư-phu.
Mây ngài hoa ứ sâu khôn tả,
Má phấn châu rơi giọt chẳng khô.
Chút nghĩa đã nguyên văng ngọc-thỏ,
Tấm lòng phó mặc bóng kim-ô.
Thâu đêm mang tiếng rằng kia nọ,
Dạ sắt gan vàng dễ biết ru ! »

Hoạ thi rồi tạ lấy lòng,
Giãi-bày có cả vợ chồng cùng nghe :
« Gặp cơn sóng gió bất kỳ,
Nhờ ơn cứu-vớt đêm khuya nặng tình.
Có nhà chị cũng như anh,
Người ta ai cũng lòng lành như ai.

Đè chừng bắt bóng dong-dài,
Đá mòn đã vậy, miệng người thì sao ?
Xưa nay danh-giá thế nào,
Vì tôi một chút ra vào cho nên.
Phải chẳng chị để em xin,
Bạn lòng lo-lắng giang-sơn nổi nhà ».
Bây giờ nàng đã bước ra,
Liệu điều chàng cũng giải hòa cho xuôi.
Nàng rằng : « Trong bấy nhiêu lời,
Rào sau đón trước cho ai đó mà.
Chẳng tư túi, chẳng trăng-hoa,
Tôi chi mà thiết việc nhà người dưng ».
Tía tai đỏ mặt bừng bừng,
Vật mình nàng lại vang-lừng nói ra :
« Cố chi thiếp mới vắng nhà,
Đã lòng nhử nguyệt quyến hoa tươi-bời.
Vừa lòng thích ý thì chơi,
Nhà này còn có xem ai ra gì ?
Cửa-nhà lo-lắng sớm-khuya,
Sửng se mạ cạn đi về xiết bao. ¹⁶⁴
No cơm thì rửng hồng-mao, ¹⁶⁵
Dục hà dục hĩ muốn sao thì làm.
Ai ngờ mật sứa gan hằm,
Rắn toan gà luộc rượu tắm thỏa lòng.
Khác nào như nhện đánh vòng,
Ếch kia trong giếng còn mong kẻ dò.
Đói thì đâu gỏi biết bò,
No cơm ăm cật còn lo-lắng gì.

Chẳng thương đến nỗi thê-nhi,
Tìm mỗi khuya sớm đã đi đỡ chàng.
Trở về vừa đến đầu tường,
Thấy con muông đứng cửa hang nó rình.
Đã lâu nghe vắng phong thanh,
Ngậm hơi như thóc đem mình về đây.
Lại e lũ khỉ buông dây (?),
Đến nhà nên nỗi nước này mà thương ».
Ghen-tuông nhiều tiếng dở-dương,
Chàng van như cốc, bày tường đầu đuôi.
- « Canh khuya chưa nhấp còn ngồi,¹⁶⁶
Lạ vì vắng-vẻ thức coi cửa-nhà.
Bỗng nghe ngoài chốn tường hoa.
Tiếng con muông sủa từ xa lại gần.¹⁶⁷
Chút vì nàng mới lỡ chân,¹⁶⁸
Hoặc khi muôn một trở ngăn đường nào.
Song nga chưa biết làm sao,¹⁶⁹
Bồi-hồi gan vượn xôn-xao khúc tắm.¹⁷⁰
Thập-thò hầu rắp ra thăm,
Thấy nàng Bạch-thử đâm-sầm vào hang.
Dữ lành hai lẽ chưa tường,
Giắt tay đã bảo có đường tìm ra.
Nói rằng trong nghĩa lân-gia,
Phải con muông đuổi thế sa đường cùng.
Một mình thân gái long-đong,
Dám xin cứu nạn ơn lòng chẳng quên.
Một làm phúc, hai làm duyên,
Chẳng nề cho ở một bên hẹp gì.

Vừa ngồi một chốc lại đi,
Há rằng có ý-tứ gì cùng ai.
Cớ sao gieo nặng những lời,¹⁷¹
Nghe ra chẳng chút vào tai cũng phiền ! »
Nàng rằng : « Sự đã quả-nhiên,
Nào ai nói đặt cho nên đoạn-trường.
Vợ con vừa bước ra đường,
Ở nhà thắc-mắc lo-lường đứng trông.¹⁷²
Phỏng rằng cậy dạ cậy lòng,
Thế thì đồ gái về phòng làm chi ?
Ngửa-nghiêng như ốc biết gì,
Bặt ngay tẩn-hẩn dường dề mắc sừng.
Thôi thôi chẳng lọ nói-năng,
Dấu voi ruộng rạ nghĩ rằng kín thay.
Hang hằm ai dám móc tay,
Chuột nào lại dám cắn dây buộc mèo.
Ắt là toàn rắp thế nào,
Không dưng ai có bỗng theo về nhà.
Ruồi kia một phút bay qua,
Biết là đực cái lọ là sự ai.¹⁷³
Ở trong chưa tỏ bằng ngoài,
Dễ mà ăn cáy bưng tai được nào.¹⁷⁴
Mê-say chìm-đắm má đào,
Như mèo thấy mỡ khát-khao thật là.
Già chẳng thương, trẻ chẳng tha,¹⁷⁵
Khác nào như ếch thấy hoa thì vô.¹⁷⁶
Thuồng-luồng ở cạn có ru.
Mà toan bắt-chước đưa ngu sờ-sờ.

Chiếu-chắn nào có hững-hờ,
Mà như voi đói thì vợ dong-dài.
Quen mùi bận khác ăn chơi,
Có ngày cũng được như ai ghẻ tầu. ¹⁷⁷
Bấy giờ khốn đố cho nhau,
Miệng kên gọi chó, tay mau đuổi ruồi. ¹⁷⁸
Ví dù lầm phải vợ ai,
Giòng sông bè chuối mới hay cho đời.
Sáng tai họ, điếc tai cày, ¹⁷⁹
Mà lòng lại tưởng đến người đào thơ.
Những mong lại có bao giờ,
Cho khuây-khỏa dạ kéo mớ-mẩn tình.
Ví không duyên nợ ba sinh,
Nàng sao gặp nỗi bất bình tới đây ?
Nghĩ càng như tỉnh như say,
Mặt như đầu lợn nhìn thầy trơ-trơ. ¹⁸⁰
Nàng ngờ phải thuốc phải bùa,
Ve sầu xác rữ nó cho ăn quàng. ¹⁸¹
Cho nên thơ-thẩn vố-vàng,
Tìm lươn cho kíp cháo thang giã-giùng.
Kéo lòng tơ-tưởng mớ-mòng,
Khỏi hồn Thục-đế, khỏi lòng Đỗ-quyên.
Bấy giờ tính-nết đã quen,
Chắc rằng cua lổ khó lên trên trời.
Nàng rằng bắt chạch đànng đuôi.
Kiện vô-chứng có khôn đời đôi-co.
Nguyên viết hữu, bị viết vô,
Minh đơn so với duyên-do thế nào.

Nó thời nhất hướng tại đào,
Đi lên rừng biết đường nào truy-đương. ¹⁸²

Vô tang tích-tịch tình-tang,
Khôn làm lý-đoán cho tường được đâu.

Rầm nhà tiếng hỏi lao-xao,
Ai hay rằng sự dẫu đâu hở đuôi.
Vẫn còn thềm thịt thềm xôi,
Ngày thường cơm tẻ thiếp nuôi lệ gì.

Có cãi rằng quý dịch thê, ¹⁸³
Gái này chẳng dám năn-nì thương yêu.

Già rồi lặn-cận bỏ liều,
Sá chi vú ếch lưng eo sồ-sề.
Chẳng ưa cà chín bầu già,
Tuổi đà dư lạm lịch đà quá niên. ¹⁸⁴

Có trắng nên nổi phụ đèn,
Chẳng ngon thể sốt, thời liền bến hơi,
Cười ra nước mắt hổ người,
Khen ai khéo đặt nên lời ví xưa :
Còn duyên kẻ đón người đưa,
Hết duyên vắng ngắt như chùa bà Đanh. ¹⁸⁵

Thế-tình chuộng lạ tham thanh,
Thân tiên thân cú ra tình xấu chơi.
Cầu-nôm đồng thùng lạ đời. ¹⁸⁶
Kẻ còn nhọc xác mệt người xông-pha.

Cắn đuôi tha trứng gần xa, ¹⁸⁷
Cái thân tất-tả như bà đánh ong. ¹⁸⁸

Dạ-tràng xe cát luống công, ¹⁸⁹
Tò-vò nuôi nhện há mong cậ nhờ. ¹⁹⁰

Ít lời chẳng muốn nói ra,
Những điều chàng ở ắt là chẳng quên.
Chèn nhau từng cạnh cho nên,
Trong bàn đã phỗng tay trên nực cười. ¹⁹¹
Tổ-tôm kia thực là tài,
Cửu vạn bát sách chờ hoài bán chi. ¹⁹²
Âm-dương bác cục được thì, ¹⁹³
Cứ chi đứng hậu cứ chi lối lẽ ». ¹⁹⁴
Chàng rằng : « Lời nói cũng kỳ,
Kể khoan kể nhặt thói quê thường tình.
Tiếng chua hơn nửa vắt chanh,
Toan đường tầm-ngải lẫn cành được sao. ¹⁹⁵
Ta đây dễ nạt được nào,
Chẳng như kẻ quặp râu vào rẻ-roì. ¹⁹⁶
Cũng toan níu-náu cho rồi,
Càng ngày càng một tỏ coi những màu.
Cắm đầu mà chịu vuốt râu,
Đã cam như ngựa cầm tàu mấy phen. ¹⁹⁷
Giống lừa ưa nặng đã quen,
Thôi đừng dức-lác huyền-thuyền tít mù ». ¹⁹⁸
Bấy giờ nàng lại tri hô,
Sẵn quần sẵn áo thập-thò cửa hang.
Rằng : « Đà mang tiếng tao-khang,
Những nhờ rể mạn rể bàng cùng nhau. ¹⁹⁸
Bây giờ nên nổi cơ cầu,
Bà làm cho tỏ ra đầu ra đuôi ». ¹⁹⁹
Miệng thời thở ngắn thở dài,
Tìm đường thăm lối kíp dời lân-đông. ¹⁹⁹

Cửa hang chuột bạch tới gần,
Đã phần sỉ-vả lại phần mỉa-mai.
Chuột bạch đỏ mặt tía tai,
Hỏi rằng : « *Ai đẩy mắng ai chốn này.*
Con này chưa biết bà đây,
Lại toan tiếng nợ lời này đành-hanh ».
Con mèo thủng-thỉnh góc thành,
Đến xem tranh-đấu ra tình làm sao ?
Hai bên hồn lạc phách xiêu,
Trèo non nhảy núi ra chiều lao-đao.
Lạ đường chuột cái sa ao,
Thực là báo ứng trời nào có xa.
Bạch thời chạy được về nhà,
Bước qua cổng gạo liền sa mình vào.
Ngắm xem báo ứng kíp sao,
Hồ-sinh đứng nấp tường đào thử trông
Thấy con chuột cái vầy-vùng,
Trên bờ mèo chực, những mong ra chào.
Hồ dơ tay, mới đuổi mèo,
Vén quần lội xuống cán bèo vớt lên.
Ráo lông tình dậy vừa an,
Cúi đầu mà lạy khoan khoan trình-bày :
« *Thiếp nay là phận thơ-ngây,*
Phải chông ruồng-rẫy tới đây gặp nần.
Ơn ông cứu được thân tàn,
Thừa công-đức ấy muôn vàn xiết đâu.
Nhờ ông lượng bể cao sâu,
Hẳn cơ tạo-hóa quên đâu kẻ hiền ».

Sinh rằng : « Những tính hay ghen,
Hễ là già néo ắt liền đứt dây,
Rõ-ràng kể nói cho hay,
Ban khuya chuột bạch tới đây tìm mồi.
Phải con muông đuổi một thôi,
Vào hang mây ẩn, an rồi lại ra.
Lạ gì gái đẹp đến nhà,
Chồng mây cũng muốn lân-la với tình.
Song le phải gái kiên trinh,
Ra chiều khôn lẽ dỗi-dành lại thôi.
Người về chưa tỏ đầu đuôi,
Máu ghen nghiêng-ngắm nói lời éo-le.
Dẫu rằng đức phật từ-bi,
Ắt là cũng giận hờn gò chồng người.
Há rằng việc ấy bởi ai,
Mình làm mình chịu trách mình sao nên.
Tính hay bạo hổ đã quen,²⁰⁰
Dám tìm chuột bạch đánh ghen tận nhà.
Lại làm xấu bọn đàn-bà,
Oan lòng tiết-phụ nghĩ đà phải chưa ».
Nàng vâng nghe biết sau xưa :
« Rằng ơn ông dạy bây giờ mới hay.
Mấy lời nghĩ lại hổ thay,
Trắng kia đã khuyết khôn xoay được tròn.
Trót đà cả giận mất khôn,
Bây giờ cắn rốn lại còn được ru ».²⁰¹
Liệu lời sinh mới dạy cho,
Lấy đường khuyên-giải điển-mô mọi lời.²⁰²

« Việc này cơn-cớ vì người,
Liệu về nói dối chồng nguôi thì là.
Muốn cho yên cửa yên nhà,
Chẳng gì hơn ở thuận-hòa cùng nhau.
Để ai đội áo qua đầu,²⁰³
Sao không nghĩ trước nghĩ sau cho tà.
Ái-ân là nghĩa nặng thay.
Vợ chồng há phải một ngày rồi quên.
Ở đời vô sự là tiên,
Mà điều yên-đẹp hơn bên cục-cắn.
Trót đà cùng chiếu cùng chăn,
Lẽ nào con nhện mấy lần vương tơ.
Tính sao như thể nước cờ,
Nghĩ cho một phải hai vừa thời thôi.
Chớ toan những sự tranh-phôi,²⁰⁴
Bới bèo ra bọt, tanh-hôi cửa nhà.
Đàn-bà như hạt mưa sa,
Gặp sao hay vậy biết là đâu hơn.
Dẫu chồng trăm giận nghìn hờn,
Cũng nên bấm bụng van-lơn dỗ-dành.
Một câu nhịn, chín câu lành,
Chớ hề tật-đố cậy mình cậy công.
Mới là phải đạo xướng tòng,
Chịu người lấy việc, chịu chồng lấy con.
Cơm chẳng lành, canh chẳng ngon,
Rang-rang thôi hết khéo-khôn đàn-bà.²⁰⁵
Mèo lành ở mả đâu là,
Của yêu đâu có bày ra ở ngoài.

Thôi đừng đua sức thi hơi,
Há rằng ba chốn bốn nơi được nào.
Tránh voi xấu mặt hay sao,
Hãy xem sửa vượt được nào qua đặng.²⁰⁶
Làm chi mặt vượt, mặt lằng,²⁰⁷
Dứt dây chẳng sợ động rừng kia ru.
Thi bơi với giải thời thua,²⁰⁸
Đàn-bà đâu có tranh-đua cho đành.
Kíp toan cải dữ làm lành,
Ắt là sum-họp yển-anh một nhà.
Dịu-dàng phải phép đàn bà,
Chẳng thời chua xót lệ sa ròng ròng ».
Nàng vâng lời dạy ghi lòng,
Trở về van lạy cùng chồng dám sai.
Hỗ-sinh về chốn thư-trai,²⁰⁹
Giở nghiên-bút mới ghi lời kéo quên.
Nào ngờ vi-vật chính-chuyên,
Rằng chê rằng cũng nên khen lệ gì.
Cũng hay trinh-tiết giữ nghi,
Vật còn dường ấy hưởng chi là người.
Ai hay đen bạc biến dời,
Tuy người chẳng biết nhưng trời đã hay.
Những người mặt dạn mày dày,
So xem ắt cũng chẳng tài muông dê.
Như lòng chuột đực khá chê,
Toan đường quyến-rũ dạ mê đạo lành.
Ấy là chuột bạch chí thành,
Ví dù nó chẳng tiết-trinh ra gì.

Thấy chưng quả-phụ nhân nghi,
Chẳng khuyên đường chính mà mê thói tà.
VẬY nên eo-óc cửa-nhà,
Chẳng nhưng chỉ trách đàn-bà ngon ghen. ²¹⁰
Khá khen chuột bạch trinh kiên,
Trắng hoa chẳng tưởng, giữ-gìn tấm son.
Dẫu rằng đá lở non mòn,
Tấm lòng tạc sắt ghi son chẳng dời.
Gặp cơn nhằm chốn sa vời,
Chẳng tham chịu-đãi nghe lời bướm-ong.
Mặc ai cột-diều thử lòng,
Gan vàng chẳng chuyển chẳng long chút nào.
Đương cơn gặp bước lao-đao,
Thế mà vẫn được ra vào ấm-no.
Khá chê chuột cái đại-rồ,
Chồng đi hoa-nguyệt chẳng cho được nào.
Phải điều khuyên-dỗ thấp cao,
Cớ chi đề-nén sông giao cạy mình.
Làm trai ba bảy mới xinh,
Tài nào mà giữ một mình được ru !
Cả ghen nên nổi cay-chua,
Chồng ruồng-rẫy, phải sa hồ càng thương.
Người xưa câu ví còn gương,
Đàn-bà cả tiếng, tan-hoang cửa-nhà.
Sự này dù thực dù ngoa,
Ghen-tuông thì cũng người ta thường tình.
Xét-xem giống vật cho tinh,
Mà cơ báo-ứng rành-rành chẳng sao.

Huống chi là đấng làm người,
Thừa lòng cho chính nào trời phụ ai. ²¹¹

Tóc-tơ một chút chẳng sai,
Vậy nên làm chuyện đặt vài lời hoa.
Khi rồi, ai muốn ngâm-ngà,
Gọi là theo thói nô-m-na dối truyền.

=CHUNG=

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

Sáng-lập năm 1937

với sự hợp-tác của các học-giả và
nhà-văn danh-tiếng Trung, Nam, Bắc :
đã xuất-bản trên 350 thứ
sách chia ra làm nhiều loại.



Hiện còn những thứ mới :

I. SÁCH GIÁO-KHOA – TRUNG-HỌC

A. LOẠI BIÊN-KHẢO VÀ PHIÊN-DỊCH

1. *Việt-Nam Sử-Lược* của Trần trọng Kim (lần thứ năm)
(Nam-Việt 150đ – Ngoài Nam-Việt 160đ)

2. *Việt-Nam Văn-Phạm* của ba ông : Phạm Duy Khiêm
Bùi Kỷ và Trần trọng Kim. (Lần thứ 7 – in trên giấy trắng –
Nam Việt 55đ – Các nơi 60đ)

3. *Quốc-Văn Cự-Thể* của Ưu-Thiên Bùi-Kỷ (Lần thứ ba –
giá Nam-Việt 42đ – Các nơi 45đ)

4. *Việt Thi* của Trần trọng Kim (Sắp có bán – in lần thứ 2)

5. *Đường Thi* của Trần trọng Kim (Đang in – lần thứ 2)

6. *Tiểu-Học Việt-Nam Văn-Phạm* của Trần trọng Kim Bùi
Kỷ, Nguyễn quang Oánh (*in lần thứ ba*) (Giá 22đ – Ngoài
Nam-Việt 24đ)

7. Sơ-Học Luân-Lý của Trần trọng Kim (Giá 23đ – Ngoài Nam-Việt 26đ)

8. Việt-Nam Thi-Văn Giảng-Luận của Hà như Chi – Giáo-sư trường Quốc-học Ngô đình Diệm – Huế (Dùng trong các lớp Đệ-ngũ và Đệ-tam Trung-học). *Tập 1* « Từ khởi-thỉ đến cuối thế-kỷ 18 ». Gồm có những luận-đề về : Ca-dao và Tục-ngữ – Truyện Trinh Thử – Truyện Trê Cóc – Nguyễn Trãi – Vua Lê Thánh-tông – Nguyễn bỉnh Khiêm – Nguyễn Hăng – Lê quý Đôn – Đoàn thị Điểm – Ôn như Hầu – Nguyễn huy Tự – Lê thị Ngọc Hân. (Đang in – lần thứ 3)

9. Việt-nam thi-văn giảng-luận. Tập 2 (Thế-kỷ thứ 19). Gồm có những luận-đề về : Nguyễn Du – Hồ xuân Hương – Bà huyện Thanh Quan – Nguyễn công Trứ – Cao bá Quát – Cao bá Nhạ – Phan huy Vịnh – Nguyễn đình Chiểu – Tôn thọ Tường – Chu mạnh Trinh – Nguyễn Khuyến – Trần tế Xương. (In lần thứ hai – Giá Nam Việt 120đ – các nơi 130đ)

10. Việt-nam văn-học giảng-bình của Phạm văn Điều giáo-sư trường Trung-học Khải Định – Huế. Một khoa-bản đáp-ứng mọi mong chờ của các bạn học-sinh Đệ-tứ và Đệ-nhi chuyên khoa. (Giá 50đ – Ngoài Nam Việt 55đ)

B. LOẠI CỔ VĂN CHÚ-THÍCH

1. Truyện Thuý Kiều của Nguyễn Du do Bùi Kỳ và Trần trọng Kim hiệu-khao (in trên giấy trắng giá N.V. 55đ – Các nơi 60đ)

2. Truyện Hoa Tiên của Nguyễn huy Tự do cụ Tôn thất Lương chú-thích. (Đang in lần thứ 2)

3. *Chinh Phụ Ngâm Khúc* của Đoàn thị Điểm do cụ Tôn Thất Lương chú-thích (in lần thứ ba) (Giá N.V. 32đ – Các nơi 35đ)

4. *Cung Oán Ngâm Khúc* do cụ Tôn Thất Lương chú-thích (in lần thứ tư) (Giá N.V. 16đ – Các nơi 17đ)

5. *Lục Vân Tiên* của Nguyễn đình Chiểu, sửa đúng theo bản P.J.B. Trương vĩnh Ký phát hành năm 1889 có thêm phần chú thích (in lần thứ ba trên giấy trắng – giá 48đ)

6. *Truyện Trê Cóc* do cụ Bùi Kỳ hiệu-đính (in lần thứ ba trên giấy trắng) (Giá N.V. 12đ – Các nơi 13đ)

7. *Truyện Trinh Thử* do cụ Bùi Kỳ hiệu-đính (in lần thứ ba) (Giá N.V. 12đ – Các nơi 13đ)

8. *Lục Súc Tranh Công* do cụ Bùi Kỳ hiệu-đính (in lần thứ ba) (Giá 6đ – Ngoài Nam Việt 7đ)

9. *Truyện Phan Trần* do Thi-Nham chú-thích (Đang in lần thứ 3)

10. *Nguyễn Cư Trinh* với quyển *Sãi Vãi* do hai ông Lê ngọc Trụ và Phạm văn Luật chú-thích và dẫn-giải. (Giá 20đ – Ngoài N.V. 22đ)

11. *Hoa Điểu Tranh Năng* do cụ Bùi Kỳ hiệu-đính. (Giá 5đ – Ngoài N.V. 6đ)

12. *Hạnh Thục Ca* của Nguyễn nhược Thị do cụ Trần trọng Kim phiên-dịch và chú-thích. (Giá 9đ – Ngoài N.V. 10đ)

13. *Ngư Tiều Vãn Đáp Y-Thuật* của cụ ĐỒ CHIỂU (tác-giả *Lục Vân Tiên*) do Phan văn Hùm hiệu-đính và chú-thích – Nhượng Tống tặng-bình bổ-chú. (Giá N.V. 60đ – Các nơi 65đ)

14. *Nhị Độ Mai* do Thi Nham đính-chính và chú-thích (in lần thứ hai – trên giấy trắng giá 48đ)

15. *Bích Câu Kỳ Ngộ* do Thi Nham đính-chính và chú-thích (đang in lần thứ 3)

16. *Nữ Tú Tài* và *Bần nữ thán* do Thi Nham chú-thích (Giá 16đ – Ngoài N.V. 17đ)

17. *Gia Huấn Ca* do Thi Nham chú-thích. (Giá 10đ – Ngoài N.V. 11đ)

18. *Nhị Thập Tứ Hiếu* do Cao huy Giu chú-thích. (Sắp có bán – in lần thứ hai)

19. *Quan Âm Thị Kính* do Thi Nham chú-thích. (Giá N.V. 12đ – Các nơi 13đ)

II. SÁCH GIÁO-KHOA QUỐC-TẾ

Mới có bán : Thằng người gỗ tức quyển « Les Aventures de Pinocchio ». Bản dịch của Bửu Kế. *Được giải nhất cuộc thi tiểu-thuyết của Hội phụ-huynh học-sinh Việt-nam.* Hoạ-sĩ Mạnh Quỳnh minh-hoạ. Ấn-loát : 36 hình màu, 17 hình đen. Bìa in Offset 5 màu (Giá N.V. 36đ – Các nơi 39đ)

III. SÁCH KHẢO-CỨU

1. *Vương Dương Minh* của Đào trinh Nhất (Giá 32đ – Ngoài N.V. 36đ)

2. *Việt Sử Giai Thoại* của Đào trinh Nhất (Giá 20đ – Ngoài N.V. 22đ)

3. *Tinh Thần Khoa Học* của Nguyễn văn Tài (Giải thưởng Gia-Long năm 1943) (Giá 17đ – Ngoài N.V. 19đ)

4. *Phật-giáo* của cụ Trần trọng Kim (Giá 18đ – Ngoài N.V. 20đ)

5. *Phật-giáo thừa xưa và Phật-giáo ngày nay* của cụ Trần trọng Kim (Giá 13đ – Ngoài N.V. 14đ)

6. *Nho-giáo* (Quyển thượng) của cụ Trần trọng Kim (Giá 80đ – Ngoài N.V. 90đ)

Sắp có bán : *Nho-Giáo* (quyển hạ) của cụ Trần trọng Kim.

IV. GIÓ BỒN PHƯƠNG

1. *Trên đường Giải-Phóng* của nhà văn-hào Cao-ly Younghill Kang – Bản dịch của Phạm trọng Nhân (Giá 42đ – Ngoài N.V. 45đ)

2. *Mái Tây* (Tây Sương ký) : Một trong lục tài-tử của Tàu. Áng văn dịch bất hủ của Nhượng Tống. (Giá 55đ – Ngoài N.V. 60đ)

V. THI-NHÂN VIỆT-NAM

- *Hàn Mạc Tử* – khảo cứu của Trần thanh Mại (Giá 32đ – Ngoài N.V. 34đ)

VI. TRUYỆN CỔ VIỆT-NAM

- *Truyện Kỳ Mạn Lục* (toàn tập) : Tập truyện cổ Việt Nam mà cụ Vũ khâm Lân đã cho là một « Thiên cổ kỳ bút ». Bản

dịch của Trúc Khê – Ngô văn Triện (Giá 40đ – Ngoài N.V. 43đ)

VII. SÁCH GIÁO-KHOA – TIỂU-HỌC

(Soạn đúng theo chương-trình mới của Bộ Quốc Gia Giáo-dục)

Đã có bán :

- 1. VIỆT-SỬ** lớp Ba 18đ. lớp Nhì 28đ. lớp Nhất 15đ.
- 2. Quốc-văn toàn thư :** lớp Nhất, Nhì, Ba, Tư.

SÁCH MỚI
HIỆN GIÁO-KHOA KHOA-HỌC TÂN VIỆT

Lần lượt trình-bày các loại :

SÁCH HỌC
PHƯƠNG-PHÁP GIẢI TOÁN
BÀI TẬP
KHOA-HỌC THƯỜNG THỨC

về

TOÁN – LÝ – HÓA

Cấp Trung-học với một nội-dung đầy-đủ và một lối biên-soạn mới, mong kịp bước tiến của khoa-học

HÓA-HỌC – ĐỆ TỨ

Của

PHẠM VĂN HƯỜNG
PHẠM VĂN THOẠI

(Giáo-sư trường Trung-học Khải-định Huế) với một phương pháp giản-dị mà không thiếu sót, một trình-bày mới và hướng nhiều về thực-nghiệm.

TRUYỆN TRINH THỦ do cụ Ưu-Thiên BÙI-KỶ hiệu-đính –
TÂN VIỆT xuất-bản lần thứ ba in xong ngày 26 tháng 4 năm
1956 tại nhà in riêng của nhà xuất-bản TÂN VIỆT – Giấy
phép xuất-bản số 126 T.X.B. của bộ Thông Tin Nam-phần
Việt-nam.

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT
235, Phan thanh Giản (Le Grand de la liraye cũ)
SAIGON



Notes

[← 1]

Long-khánh : niên-hiệu đời Trần Duệ-tông từ năm 1373 đến 1377 sau Tây-lịch kỷ-nguyên.

[← 2]

Lộc-đổng 鹿洞 : chỗ ông Chu-Hy đọc sách, chỉ chung chỗ ẩn-cư của các bậc cao-nhân.

[← 3]

Thiện-danh 善名 : nổi tiếng.

[← 4]

Cách vật trí tri 格物致知 : trong sách *Đại-học* dùng bốn chữ này để giải về thứ-tự của bậc đại-học : có cách vật mới trí tri, có trí tri mới thành ý, có thành ý mới chính tâm v.v... Về sau dùng bốn chữ này để gọi về sự học rộng biết nhiều.

[← 5]

Lý Lê : tức là Hồ Quý-Ly.

[← 6]

Hồ-đồ : phân vân.

[← 7]

Muông : con chó.

[← 8]

Nam-nhi : con trai, ở đây chỉ con chuột đực.

[← 9]

Run như cây : cây là con chó. Ta thường nói : run như cây sậy, con chó ướn lông mà đem sưởi, ý nói run sợ.

[← 10]

Một giây : một lát.

[← 11]

Cây vào hàng của : lúng-túng khó xoay-xở.

[← 12]

Nếu không phải như giống vạc, cố gì lại đi ăn đêm.

[← 13]

Nhắn cá, gửi chim : bỏ thư vào bụng cá, buộc thư vào chân chim để đưa tin.
Nói về trai gái đưa tin cho nhau bằng những cách thầm-dấu.

[← 14]

Rằng ta : như ta đây.

[← 15]

Thương-cầu : bởi câu « *Bạch vân hóa vi thương cầu* » 白雲化為蒼狗, đám mây trắng hóa làm con muông xanh. Nói về sự biến-ảo thay đổi trong trời đất.

Lang quân tểch ngàn : chồng chết.

[← 16]

Nạ : mẹ rỗng-rỗng, con của cá quả (cá tràu, cá lóc).

[← 17]

Chân le, chân vịt : chân cao chân thấp, chạy ngược chạy xuôi, vất-vả.

[← 18]

Ăn hét, đào giun : đào giun để đánh bắt chim hét. Ở đây chỉ về nghĩa muốn kiếm miếng ăn thì phải mất công.

[← 19]

Làm lương : làm vốn.

[← 20]

Gió trắng : càn-dỡ, ở đây chỉ vào con chó.

[← 21]

Kinh là theo đạo thường, *quyền* là quyền biến, có thể thay đổi đạo thường, không cần phải câu-chấp quá.

[← 22]

No đôi : đủ đôi.

[← 23]

Khôn dè : không biết chừng.

[← 24]

Qui : thứ hoa nở bao giờ cũng quay về chiều có mặt trời.

[← 25]

Hướng dương 向陽 : quay về mặt trời.

[← 26]

Đoài : phương tây, bởi chữ đoái 兌, đọc chạnh đi làm âm bằng.

[← 27]

Thanh-sử : sử xanh, về đời xưa chưa có giấy, dùng mảnh tre để viết chữ, mặt cật tre có sắc xanh cho nên gọi là thanh-sử.

[← 28]

Tòng nhất nhi chung 從一而終 : chỉ theo một chồng mà ở trọn đời.

[← 29]

Chuyển-dao 轉搖 : chuyển lay, ý nói thay lòng đổi dạ.

[← 30]

Gà lược lại : nói người đàn-bà cải giá.

[← 31]

Họ Tào (*Liệt-nữ truyện*) : nàng Linh-nữ là vợ Tào-văn-Thúc, goá chồng, người nhà muốn bắt ép đi cải giá, nàng bèn lấy dao cắt mũi để thủ-tiết.

[← 32]

Sân hòe : đời xưa Vương Hựu trồng ba cây hòe ở sân có nói rằng : « Về sau con cháu phát-đạt cũng như ba cây hòe tươi-tốt » ; đời sau dùng điển này để nói về sự con cháu hiển-đạt.

[← 33]

Đội ơn chúng : đội ơn ở.

[← 34]

Phương-tiện 方便 : nguyên là chữ ở trong kinh Phật, nghĩa là tự-do tùy-tiện, tự mình thu-xếp cho mình. Ở đây nói về cách khuôn-xếp cho tiện.

[← 35]

Thờn-bơn một bề : cá thờn-bơn mình dẹp, đã nằm một chiều thì không trở mình lại được, ý nói chịu yên một bề (Cá thờn-bơn ở Nam Việt gọi là cá lười trâu).

[← 36]

Vu qui : bởi câu « *chi tử vu qui* » 之子于歸 trong kinh Thi : người con gái kia đi về nhà chồng.

[← 37]

Kiên-ngạnh 堅梗 : bền cứng.

[← 38]

Tụy-hoán 萃渙 : tên hai quẻ ở trong kinh Dịch, tụy là họp, hoán là tan, cũng như tụ-tán.

[← 39]

Thuyền bách : bởi bài thơ bách-chu 柏舟 ở trong kinh Thi nói : người góa chồng như chiếc thuyền gỗ bách lênh-đênh ở giữa sông.

[← 40]

Ngựa qua cửa sổ : bởi chữ « *bạch câu quá khích* » 白駒過隙. Ngựa trắng chạy qua khe cửa, nói về đời người nhanh chóng.

[← 41]

Gan vàng dạ ngọc cơ-hàn được đâu : tuy có gan vàng dạ ngọc song ở vào cảnh đói rét, đã chắc là giữ vững được đâu.

[← 42]

Phú-các thư-lâu : những bậc tài-nữ, được ở vào cảnh phong-lưu, phú-quý.

[← 43]

Tạo đoan : bởi câu « *Thiên địa chi đạo, tạo đoan hễ phu-phụ* » 天地之道造端
兮夫婦 : đạo trời đất gây ra cái mỗi đầu từ đạo vợ chồng.

[← 44]

Lệ-bì 儷皮 : hai miếng da thuộc ; theo hôn-lễ đời cổ dùng hai miếng da, một miếng của họ nhà trai, một miếng của họ nhà gái, đánh đổi nhau mỗi bên giữ một miếng để làm bằng.

[← 45]

Cầu hợp 苟合 : tụ-hợp bằng cách tạm-bợ.

Dâm-bôn 淫奔 : vì sự dâm-đăng mà theo nhau.

[← 46]

Phong-hóa chi nguyên : cái nguồn của phong-hóa và giáo-hóa.

[← 47]

Sự vong như thể sự tồn : thờ người lúc mất cũng như lúc sống.

Quê : tiếng cũ, nghĩa là sai, lẫn.

[← 48]

Lân-kinh 麟經 : đức Khổng-tử chép *kinh xuân-thu* đến chỗ được con kỳ-lân què, ngài không chép nữa, người sau gọi là *kinh xuân-thu* là *lân-kinh*.

Mao-giản 毛簡 : Sử của Mao-công, đời bấy giờ chưa có giấy, chép vào thanh tre.

[← 49]

Đời xưa mấy gái tiết-hiền : ý nói xưa nay rất hiếm người tiết-nghĩa ; có bản chép là : « *đời xưa mấy kẻ tiết hèn* ».

[← 50]

Tính nước, lòng mây : tính lẳng-lơ.

[← 51]

Gã Lý chàng Trương : trong *Tinh-sử* thường nói Trương-tam, Lý-tử, anh ba họ Trương, anh tư họ Lý, nghĩa là nay người này mai người khác.

[← 52]

Bia miệng : miệng người nói cũng như bia chếp.

[← 53]

Thế sự vẫn thanh : cuộc đời vẫn đượ hay trong.

[← 54]

Lã-hậu đời Hán, tư-thông với người Tự Cơ, thường dấu ở trong bức vách.

[← 55]

Hồ-dương : tên một công-chúa ở đời Hán Quang-vũ.

[← 56]

Tổng-công : Tống Hoảng, một người hiền ở đời Hán Quang-vũ, Hồ-dương công chúa góa chồng, muốn Tống Hoảng bỏ vợ để lấy mình, nhưng Tống Hoảng không nghe.

[← 57]

Mày ngài được sánh bệ rồng mấy phen : Vũ-hậu hai lần lấy vua, trước lấy Đường Thái-tông, sau lấy Đường Cao-tông.

[← 58]

Vua Đường thoát mới xe tiên : vua Đường Cao-tông mới mất.

[← 59]

Họ Trương đôi gã : Trương địch Chi và Trương xương Tôn, hai người đều được Vũ-hậu yêu-mến.

[← 60]

Điêu Thuyền : một người tuyệt sắc ở cuối đời Đông-Hán, con nuôi của Vương Doãn.

[← 61]

Khi ra Lã Bố khi vào Đồng-công : Diêu Thuyền đã lấy Lã Bố lại lấy Đồng Trác.

[← 62]

Có bản chép : ...*còn cầu thích chi*.

[← 63]

Đình-chủ 停主 : người chủ trọ. Đây chỉ vào Hồ-sinh là người có nhà cho chuột bạch ở nhờ.

[← 64]

Có bản chép : *Lợn ngồi cũi đất...*

[← 65]

Vắt cổ chày ra nước : câu tục-ngữ, ý nói người ráo-riết.

[← 66]

Miếng ăn đẽ cọt : câu tục-ngũ, ý nói giấu đi, cất đi thật kỹ, khó lòng lấy ra được.

[← 67]

Rán sành ra mỡ : câu tục-ngữ cũng giống như vắt chày ra nước.

[← 68]

Có bản chép : *Bình rau cọng muối...*

[← 69]

Vặt đầu cá, vá đầu tôm : câu tục-ngữ ý nói giật cái nọ bù vào cái kia, mà thiếu-thốn vẫn hoàn thiếu-thốn.

[← 70]

Liệu thương : san-xẻ nhiều ít gọi là cho có bữa ăn.

[← 71]

Ai đào cho ra : ai nạy cho được.

[← 72]

Nghĩ hòa thương cho : hòa là cùng chung.

[← 73]

Thiên táng, mối đùn : trời để mà cho, chứ không phải người để. Tục-truyền ngôi mộ nào được thiên táng thì mối đùn lên thành mà, người không phải đắp đất.

[← 74]

Hội long : long mạch khởi từ phương hội là phương tây-bắc.

Nhập thủ : vào phía đầu.

Chuyển khôn : khôn là quẻ khôn, phương tây-nam, nghĩa là : long mạch đi từ tây-bắc vào phía đông rồi chuyển sang tây-nam.

[← 75]

Hổ thuỷ : nước bên tay hổ là tay phải.

Nhập đoài : đoài bởi chữ đoái đọc chạnh ra, đoái là phương tây.

[← 76]

Vượng-tướng 旺相 : theo lý ngũ-hành, mộc, hỏa, thổ, kim, thủy ; mộc ở ngôi mộc, hỏa ở ngôi hỏa v.v... là vượng ; hỏa ở ngôi mộc, thổ ở ngôi hỏa v.v... là tướng, tướng nghĩa là giúp.

[← 77]

Đông-phương tị ngộ : tị là đông-nam, ngộ là chính-nam, mạch chuyển từ đông sang nam.

[← 78]

Cây lộc : một phép xem bói, lấy lá cây hay bông hoa mà đoán sự tốt xấu.

[← 79]

Tham-lang thủ mệnh : sao tham-lang đóng ở cung bản-mệnh.

[← 80]

Thiên chung 千鐘 : nghìn chung gạo, ý nói lương-bổng nhiều.

[← 81]

Hoa tạ 花樹 : nhà trồng hoa.

[← 82]

Thóc Chu, lúa Hán : hai triều vua rất giàu, kho-tàng chứa nhiều thóc lúa.

[← 83]

Thạch Sùng 石崇 : tên một người rất giàu ở đời Tấn.

[← 84]

Có bản chép : *Vả nhà mấy kẻ hiền-lành.*

[← 85]

Có bản chép : *Túng rằng ông Tí chẳng hề dẻ-dui.*

[← 86]

Tìm phương phụ-hậu : tìm cách giúp vào hào tử-tức.

[← 87]

Bói rùa : cách bói bằng mai rùa.

[← 88]

Bói hạc : cách bói giã-hạc, tức là cách bói gieo ba đồng tiền.

[← 89]

Già-pháp 伽法 : Phép cầu cúng của nhà chùa.

[← 90]

Hắc-hổ : Hổ đen, vẽ hình hổ đen để trấn trạch.

[← 91]

Biển Thước 扁鵲 : tên một thầy thuốc rất giỏi về đời Xuân-thu.

[← 92]

Mã-đề : tên một vị thuốc.

Qui-bản : thứ cao nấu bằng mai rùa.

Sà-sàng : tên một vị thuốc.

Lộc-nhung : nhung hươu.

Bốn vị này đều là thuốc bổ.

[← 93]

Có bản chép : *Nhân sâm, hồng-nhục, mật ong.*

[← 94]

Ngũ-nội 五内 : ngũ tạng.

[← 95]

Lục-vị, Thập toàn : tên hai phương thuốc bổ.

[← 96]

Thiên-phòng 偏房 : vợ bé.

[← 97]

Ngư-vĩ 漁尾 : đuôi con mắt.

Ngọa tâm 卧簷 : chỗ dưới mi mắt.

Theo trong sách tướng, ngư-vĩ dày và ngọa-tâm cao là nhiều con.

[← 98]

Vững con, tươi cái, ngoài đụn quá nời : theo cách xem chửn dò con là ngón trỏ, cái là ngón giữa, ngoài là ngón ở ngoài, nời là giữa ; ngoài đụn quá nời là ngón ngoài chỉ vào ngón giữa.

[← 99]

Nàng Oanh : trong truyện Tây-sương, nàng Thôi Oanh Oanh là một nàng có cả tài-sắc ở vào đời Đường.

[← 100]

Tước bộ, xà hành 雀步蛇行 : bước nhảy-nhót như chim sẻ, đi vắn-vẹo mình như con rắn là những tướng rất hèn, rất xấu.

[← 101]

Khửng : chịu, bằng lòng (tiếng cũ).

[← 102]

Đưa duyên nhờ gió gác Đăng : bởi câu thơ « Thời lai phong tống Đăng-vương các » 時來風送騰王閣, lúc gặp thời may-mắn, thì làm việc gì cũng dễ-dãi, nhẹ-nhàng như gió thổi quá gác Đăng-vương.

[← 103]

Cách cựu đỉnh tân 革舊鼎新 : Cách và Đỉnh là hai quẻ ở trong kinh dịch, lấy tượng là thay đổi. *Cách cựu đỉnh tân* là đổi cũ thay mới.

[← 104]

Chung-chinh : cùng chung, ở chung (tiếng cũ).

[← 105]

Thấy người cốt-ngạnh chẳng vì chẳng yêu : không ưa những người cốt-ngạnh là những người trung-trực.

[← 106]

Lý-miêu đời Đường : Lý Nghĩa-Phủ ở đời Đường Cao-tông, trong bụng rất hiểm-độc, nhưng ngoài mặt vẫn làm bộ nhu-mì, người đời bây giờ đặt tên là Lý-miêu, còn mèo họ Lý.

[← 107]

Đố quốc 蠹國 : làm con mọt của nước.

[← 108]

Cá ao lệ nửa cháy thành : « Thành môn thất hỏa, hỏa cập trì ngư » 城門失火
禍及池魚 : cháy ở cửa thành vạ lây đến cá dưới ao. Lệ là sợ.

Có bản chép là : *Cá ao sợ nửa cháy thành*.

[← 109]

Cũng nhiều cấp phải... : cấp là kíp.

[← 110]

Oa-xá 窩舍 : cái nhà nhỏ, cũng như cái hang cái tổ, có bản chép là *thảo-sa*.

[← 111]

Đuổi thỏ săn hươu : đuổi con thỏ, săn con hươu, chỉ về sự tranh bá đồ vương ở trên đời.

[← 112]

Bán thỏ buôn hùm : bán con thỏ để mua con hùm, ý nói bỏ sự yên-lành, chuốt lấy sự nguy-hiểm.

[← 113]

Thấy mồi như trĩ bởi tham mắc giò : chim trĩ chỉ vì tham mồi mà mắc bẫy, ví như người ta chỉ vì tham danh-lợi mà mắc tai-nàn.

[← 114]

Ngay-ngáy : dáng-bộ lo-lắng.

Có bản chép là : *Còn hơn phảng-phất ăn bò mà lo.*

[← 115]

Hạc nội : chim hạc ở ngoài đồng ví như người được tự-do.

[← 116]

Sá chi chiều ấy... : chiều là bề, phương-diện.

[← 117]

Cháy mày : gốc ở chữ *nhien mi* 燃眉, cháy lông mi, nói về sự cần-cấp ngay trước mắt.

[← 118]

Cưới rỗng 乘龍 thừa long : cưới rỗng, chỉ về sự cưới vợ lấy vợ.

[← 119]

Ứng điềm hùng hủ : Kinh Thi « Duy hùng, duy bì, nam-tử chi-tường, duy hủ, duy xà, nữ-tử chi tường », nghĩa là chiêm-bao thấy con gấu, con báo là điềm tốt sinh con trai ; chiêm-bao thấy con rắn, con rết là điềm xấu sinh con gái.

[← 120]

Nát ngọc trầm châu : làm cho viên ngọc vỡ, hạt châu chìm, ý nói tự-tử để thủ-tiết với chồng.

[← 121]

Thập-nhị chi : mười hai hàng chi, tí là chuột đứng đầu hàng.

[← 122]

Thử bì 鼠皮 : da con chuột. Thơ Tượng-thử trong Kinh Thi nói con chuột còn có da, ví như người ta cần phải có lễ-nghĩa.

[← 123]

Cơm nem đã trải, tay chanh đã từng : hai câu này gốc ở hai câu tục-ngữ. Câu trên ý nói đã từng nuôi chồng từ lúc hàn-vi đi học-hành, nơi xa nhà ; câu sau nói đã từng nuôi chồng khi đau yếu.

[← 124]

Thuyền ngư-ông tới doanh mà chẳng nhúng : thuyền người đánh cá đã tới doanh nước, lẽ nào lại không chăng lưới ra để đánh cá.

[← 125]

Chàng Lưu từ sánh ả Hằng : Lưu là Lưu Thần, Hằng là Hằng Nga ; chàng Lưu Thần vào núi Thiên-thai gặp tiên.

[← 126]

Bạch-viên xưa kết Tôn-sinh : trong bộ Tục-thể-thuyết, vượn trắng hóa làm người, lấy Tôn Khác sinh được hai con.

[← 127]

Bá Nha là người gảy đàn hay, Chung Tử Kỳ là người hiểu được tiếng đàn.

[← 128]

Bảo sơn ai nữ trở về tay không : không ai đi vào núi có ngọc báu mà lại trở về tay không.

[← 129]

Qui dân : tính rùa đa dân, người ta thường dùng trong tiếng tục-hoại, như ô-qui, lão-qui để dùng gọi những hạng dân-ô, đê-tiện.

[← 130]

Tràng Khanh tư ả Văn Quân : Tư-mã Tương-như tên tự là Tràng Khanh có tư tình với nàng Trác Văn Quân.

[← 131]

Tổng-sinh dùng gái chủ-nhân chẳng vì : Tổng Ngọc phải lòng người con gái chủ nhà bên láng-giềng, có làm bài thần-nữ phú.

[← 132]

Bạch diện thư-sinh 白面書生 : người học-trò mặt trắng, tiếng gọi chung hạng học-trò và các nhà văn sĩ.

[← 133]

Một văn luận thứ : Tô Đông Pha làm bài Hiệt-thử phú tả rõ cái tính tình-quái của con chuột.

[← 134]

Khoét vách leo tường : nói chuột khoét thủng vách leo qua tường, nhưng ám-chỉ về sự trai gái khoét thủng bức vách để dòm nhau hay là trèo qua tường để đi theo nhau.

[← 135]

Thiết ngọc thân hương 竊玉偷香 : ăn trộm ngọc, ăn cắp mùi thơm, chỉ về sự
dan-dítu thăm-vụng.

[← 136]

Đắp tai : bịt tai.

Có bản chép : *Bưng tai làm mặt chẳng hay.*

[← 137]

Dấu lòng thu tưởng xuân tằm được chăng : « Thu tưởng xuân tằm » là mùa thu tưởng nhớ, mùa xuân đi tìm, ý nói những sự mong-ước hão, không bao giờ thành được sự thực.

[← 138]

Cũng đà mang tiếng rằng rằng bể ngoài : bể trong tuy chưa có gì, nhưng bể ngoài đã mang tiếng rồi.

Có bản chép : *Cũng đà mang tiếng lằng-nhằng bể ngoài*.

[← 139]

Có bản chép : ...*rừng mạch vách tai*.

[← 140]

Lũ hải : Lũ hải-nhi, lũ trẻ con.

[← 141]

Hoặc người về đó lời này tiếng kia : tiếng người, ở đây chỉ vào vợ chuột đực.

[← 142]

Tang bộc : Tang gian 桑間 trong bãi dâu ; *Bộc thượng* 瀑上 : trên bờ sông Bộc, chỗ trai gái hẹn-hò nhau. Tên hai bài hát ở trong Kinh Thi làm ra để chế thói dâm-bôn.

[← 143]

Trâm-anh lệnh-tộc 簪纓令族 : trâm là cái trâm cài đầu. Anh là cái đai mũ, chỉ chung về bậc khoa-hoạn, lệnh-tộc của họ danh tiếng.

[← 144]

Quan-quan hảo điểu : chim tốt tiếng kêu êm-dịu. Kinh Thi thơ « quan-quan thư-cư », chim thư-cư tiếng kêu êm-dịu ví như Chu-hậu khi đức-tính hòa-thuận, bao-dung mọi kẻ tì-thiếp.

[← 145]

Cát leo cù-mộc : cát là một thứ cây leo, cù-mộc là cây to. Kinh Thi : « nam-hữu cù-mộc, cát-lũy oanh chi » là phương nam có cây to, dây cát-lũy tựa vào mà leo lên, nói ví người vợ lẽ nhờ người vợ cả che-chở.

[← 146]

Có bản chép : *Thiên-hương quốc sắc não-nùng chiêu đăm.*

[← 147]

Thiên cao mà lại thính ti 天高聽界 : trời ở cao nhưng nghe thấp, nghĩa là sự hay-dở ở thế-gian trời đều biết cả.

[← 148]

Bát-trân : tám món đồ nấu quý lạ.

[← 149]

Mỹ-hào : đồ ăn ngon.

[← 150]

Thanh-minh : một tiết trong mùa xuân, ta lấy tiết này làm ngày đi tảo mộ, ở đây có ý nói là vắng-vẻ buồn-tẻ.

[← 151]

Cương tình phong thanh : cương là bờ-cối, tình là giếng nước, hiếu là làng-xóm, phong là phong-tục, thói-nếp, thanh là thanh-danh, tiếng tăm, nghĩa là thói-nếp tiếng-tăm ở chỗ làng-xóm.

[← 152]

Tri danh : biết tiếng.

[← 153]

« *Thiên-sinh ư Tí* » : trời mở ra từ hội Tí ; Tí là tượng con chuột, cho nên nói là : mở-mang trời cũng có mình.

[← 154]

Tại bình : nữ-tử tại bình, người con gái ngồi trong bình-phong, nghĩa là ngồi một chỗ, không bước chân ra ngoài.

[← 155]

Lý bắc lân đông : bên bắc làng, bên đông lán-giềng, ý nói người chỗ này người chỗ khác.

[← 156]

Chung-tư : tên một bài hát trong Kinh Thi, chung-tư là con bộ ngựa, sinh nhiều con.

[← 157]

Thiêm-cung : cung con thiêm-thừ, tức là mặt trăng.

[← 158]

Có bản chép : *Lấy điều củ-củ phải nài-nắm chi.*

[← 159]

Âm thịnh, dương suy : khí âm thịnh, khí dương suy, ý nói đàn-bà hơn đàn-ông.

[← 160]

Ơn dày trả nghĩa trắng hoa : lấy sự tình-dục mà đền lại ơn nghĩa.

[← 161]

Có bản chép : *Vợ chàng đâu bỗng liền về tới nơi.*

[← 162]

Có bản chép : *Thầy chồng đưa tiễn một người.*

[← 163]

Có bản chép : *Tức mình thơ-thần một bài liền ngâm.*

[← 164]

Sướng se mạ cạn đi về xiết bao : sướng là ruộng gieo mạ, sướng se là ruộng hết nước, ý nói làm-lụng đi về vất-vả.

[← 165]

No cơm thì rừng hồng-mao : cũng như no cơm ẩm cật, dâm-dật mọi nơi.

[← 166]

Nhấp : ngủ.

[← 167]

Muông : con chó.

[← 168]

Chút vì : sợ rằng.

[← 169]

Song nga : phân-vân bên nọ bên kia, chưa rõ ra thế nào.

[← 170]

Bồi-hồi gan vườn : con vườn có tính hay ngờ hay sợ.

[← 171]

Có bản chép : ...đề *nặng*...

[← 172]

Thắc-mắc : không ngồi yên.

[← 173]

Hai câu này ý nói là người tinh ý, không cái gì che mắt được.

[← 174]

Ăn cáy bưng tai : ăn cáy hay ngựa tai phải gãi, ý nói sự thật không dấu được.

[← 175]

Thương : ở đây có nghĩa thương-hại.

[← 176]

Ếch thấy hoa : ếch vồ hoa dâm bụt, nói người tham.

[← 177]

Ghẻ tàu : bệnh dương-mai.

[← 178]

Câu này nói người có bệnh dương-mai, miệng thì xuýt-xoa kêu đau, tay thì xua ruồi, vì lở-lói bản-thủ.

[← 179]

Sáng tai họ, điếc tai cày : con trâu lười, khi người bảo nó nghỉ thì nó nghe ngay, khi người bảo nó cày thì nó lờ đi như điếc, ý nói người không thích làm chỉ thích chơi.

[← 180]

Đầu lợn nhìn thấy : mặt dần ra như đầu lợn luộc nhìn thấy cúng.

[← 181]

Ve sấu xác rữ : xác ve sấu và xác con quốc là thuốc bùa mê.

[← 182]

Truy-đương : là tiếng việc quan, nghĩa là bắt bồi bắt đền.

[← 183]

Quý dịch thê : sang thì đổi vợ.

[← 184]

Dư lập : qua tháng chạy, tức là hết xuân.

Quá niên : quá tuần tuổi trẻ.

[← 185]

Chùa bà Đanh : tương truyền chùa bà Đanh thiêng lắm, ít người dám đi qua.

[← 186]

Cầu-nôm đồng thủng lạ đời : câu hát cổ « đồng thủng lại về Cầu-nôm », vì làng Cầu-nôm là làng đúc đồng cho nên dù đồng thủng nát đến đâu cũng đem về làng ấy cả, ở đây nói ví bao nhiêu cái xấu cũng đổ cả vào một người xấu.

[← 187]

Câu này nói đi kiếm ăn vất-vả, khi chuột tha trứng, một con ôm quả trứng vào bụng nằm ngửa ra, một con cắn đuôi kéo đi.

[← 188]

Tục-ngữ : tắt-tả như bà đánh ong, ý nói luống cuống rồi-rít.

[← 189]

Câu này ý nói làm mất công không.

[← 190]

Câu này ý nói làm mất công không.

[← 191]

Bàn : bàn tổ-tôm.

[← 192]

Bán chi : chi-chi.

[← 193]

Âm-dương bác cục : bàn sóc-đĩa.

[← 194]

Đứng, hậu : tiếng trong sòng sóc-đĩa, đứng là khôn nhảy, hậu là đang nhảy lại đứng lại một tiếng.

[← 195]

Tầm-ngải : cây tầm-gủi.

[← 196]

Quặp râu vào : người sợ vợ.

[← 197]

Ngựa cầm tàu : ngựa bị giam ở trong chuồng.

[← 198]

Rể mặn rể bàng : tình-nghĩa quăn-quít với nhau như rể mặn rể bàng.

[← 199]

Lân-đông : lán-giềng làng đông, đây chỉ về hang chuột bạch.

[← 200]

Bạo hổ : Luận-ngữ « bảo hổ băng hà » : bắt hổ và lội qua sông tay không, ý nói những người bạo-ngược nóng-nảy.

[← 201]

Căn rồn : bởi chữ phệ tề 噬臍 dịch ra, nghĩa là hối-hận.

[← 202]

Diễn-mô : những điều khuôn-mẫu, những lời khuyên-bảo.

[← 203]

Đội áo qua đầu : ví người làm việc trái ngược.

[← 204]

Tranh-phôi : tranh-giành.

[← 205]

Rang-rang : tiếng người ngoài chê cười.

[← 206]

Tục-ngữ : sứa nào vượt được đăng, đăng là hàng rào cắm vòng-vòng ở dưới nước để bắt cá, con sứa là vật không biết lợi, bị nước đẩy vào trong đăng thì vượt qua sao được, ở đây ý nói vợ không vượt được chồng.

[← 207]

Mặt vượt, mặt lẳng : người có vẻ mặt lằm lằm như mặt cá vượt, cá lẳng.

[← 208]

Giải : là một loài giống như ba ba và to, lặn rất lâu.

[← 209]

Thư-trai : nhà học, nhà đọc sách.

[← 210]

Ngon ghen : hay ghen, thích ghen.

[← 211]

Có nhiều bản không có hai câu này.